**CỔ PHẦN CHÀO BÁN THUỘC SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC) TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC. ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ. SCIC KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THAM KHẢO THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC ĐÃ CÔNG BỐ, ĐỌC KỸ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ, BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHẦN CHÀO BÁN.**

# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

## VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC

| CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG | |
|---|---|
| SCIC | **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH**<br>Địa chỉ: Tầng 23 Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam<br>Điện thoại: (024) 6278 0191 Fax: (024) 6278 0136 |
| **TỔ CHỨC CÓ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG** | |
| TRABACO | **CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**<br>Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, Phường Long Đức, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam<br>Điện thoại: (029) 4385 2561 Fax: (029) 4385 4857 |
| **TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ** | |
| FPT Securities | **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH**<br>Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam<br>Điện thoại: 19006446 Fax: (028) 6291 0607 |
| **TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN** | |
| HOSE | **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam<br>Điện thoại (028) 38 217 713 Fax: (028) 38 217 452 |

**Năm 2026**

## THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

### 1. Thông tin về Tổ chức có vốn Nhà nước chuyển nhượng

- Tên công ty : **Công ty Cổ phần Trà Bắc**
- Địa chỉ : 216 Bạch Đằng, Phường Long Đức, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- Vốn điều lệ hiện tại : 108.183.740.000 đồng
- Tổng số cổ phần : 10.818.374 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Ngành nghề kinh doanh :
  - **Chế biến và bảo quản rau quả** (Chính);
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
  - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
  - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
  - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
  - Đóng tàu và cấu kiện nổi;
  - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
  - Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
  - Sản xuất than cốc.

### 2. Thông tin về đợt chào bán

- Tổ chức chào bán cổ phần : Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH
- Tên cổ phần chào bán : Cổ phần Công ty Cổ phần Trà Bắc
- Mối quan hệ của Tổ chức chào bán cổ phần với Tổ chức có vốn Nhà nước chuyển nhượng : Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Trà Bắc
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Tổng số lượng chào bán : 4.941.314 cổ phần (chiếm tỷ lệ 45,68% vốn điều lệ)
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.
- Phương thức chào bán : Bán đấu giá cả lô cổ phần (01 lô), theo đó nhà đầu tư phải đăng ký đặt mua toàn bộ số cổ phần chào bán (4.941.314 cổ phần), đấu giá thông qua Sở

Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số lô cổ phần chào bán : 01 lô
- Số lượng cổ phần của 01 lô : 4.941.314 cổ phần
- Giá khởi điểm chào bán : 327.610.000.000 đồng/lô cổ phần *(bằng chữ: Ba trăm hai mươi bảy tỷ sáu trăm mười triệu đồng một lô cổ phần)*
- Bước giá : 1.000.000 đồng/lô cổ phần
- Chuyển quyền sở hữu : Chuyển nhượng trực tiếp tại Công ty Cổ phần Trà Bắc

## 3. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT**

Địa chỉ: Số 33 Phan Văn Khoẻ, Phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3859 4168 Fax: (028) 3859 2285

## 4. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 và 2025

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ**

Địa chỉ: A1-28 đường 06, Khu dân cư Công An, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Điện thoại: (029) 2382 7888 Fax: (029) 2382 3209

## 5. Tổ chức Thẩm định giá

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3783 2121

## 6. Tổ chức là chủ sở hữu vốn Nhà nước chuyển nhượng

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH**

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 6278 0191 Fax: (024) 6278 0136

## 7. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 19006446 Fax: (028) 6291 0607

## 8. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 7713 Fax: (028) 3821 7452

# MỤC LỤC

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ..... 7**
**II. NHỮNG NHÂN TỐ RỦI RO ..... 9**
1. Rủi ro về kinh tế ..... 9
2. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế ..... 9
3. Rủi ro lạm phát ..... 10
4. Rủi ro lãi suất ..... 12
5. Rủi ro về luật pháp ..... 12
6. Rủi ro đặc thù ..... 13
7. Rủi ro của đợt chào bán ..... 14
8. Rủi ro khác ..... 14
**III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN ..... 14**
1. Chủ sở hữu vốn Nhà nước chuyển nhượng ..... 14
2. Tổ chức có vốn Nhà nước chuyển nhượng ..... 14
3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá ..... 14
4. Tổ chức thực hiện bán đấu giá ..... 15
**IV. CÁC KHÁI NIỆM ..... 16**
**V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG ..... 16**
1. Thông tin về tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng ..... 16
1.1 Thông tin cơ bản ..... 16
1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển ..... 17
2. Mối quan hệ với tổ chức có vốn Nhà nước chuyển nhượng ..... 18
3. Số cổ phần sở hữu hiện tại ..... 18
4. Tỷ lệ cổ phần chào bán/cổ phần đang sở hữu ..... 19
**VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÓ GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG ..... 19**
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển ..... 19
1.1 Giới thiệu về tổ chức có vốn Nhà nước chuyển nhượng ..... 19
1.2 Ngành, nghề kinh doanh ..... 19
1.3 Quá trình hình thành và phát triển ..... 21
1.4 Thành tích Công ty đạt được từ trước đến nay ..... 21
2. Cơ cấu vốn cổ phần ..... 22
3. Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty ..... 23

4. Danh sách công ty mẹ, công ty con, những công ty mà TRABACO nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với TRABACO ..23
5. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty ..... 23
6. Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng ..... 30
6.1. Hội đồng quản trị ..... 30
6.2. Ban Kiểm soát ..... 32
6.3. Ban Tổng Giám đốc ..... 33
6.4. Kế toán trưởng ..... 33
7. Các sản phẩm của Công ty ..... 34
7.1. Sản phẩm chủ yếu ..... 34
7.2. Năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty ..... 35
8. Hoạt động sản xuất kinh doanh ..... 37
8.1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ..... 37
8.2. Khả năng sinh lời ..... 38
8.3. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn ..... 39
8.4. Khả năng thanh toán ..... 41
8.5. Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm ..... 42
8.6. Cơ cấu chi phí ..... 42
8.7. Tài sản cố định hữu hình ..... 43
8.8. Thanh toán các khoản nợ đến hạn ..... 44
8.9. Các khoản phải nộp theo luật định ..... 44
8.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện và ký kết ..... 44
8.11. Hiện trạng sử dụng đất ..... 45
8.12. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền, tiêu chuẩn chất lượng ..... 50
9. Kế hoạch cổ tức và lợi nhuận năm tiếp theo ..... 50
9.1. Kế hoạch cổ tức và lợi nhuận năm 2026 ..... 50
9.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức ..... 50
10. Phân tích SWOT ..... 53
11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành ..... 55
11.1. Vị thế của doanh nghiệp trong ngành ..... 55
11.2. Triển vọng của Công ty ..... 56
12. Chính sách đối với người lao động ..... 57
12.1. Cơ cấu lao động tại ngày 30/06/2026 ..... 57
12.2. Chính sách đối với người lao động ..... 57
12.3. Mức lương bình quân qua các năm ..... 61

13. Chính sách cổ tức: ..... 61
14. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường ..... 61
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty ..... 61
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty ..... 61
**VII. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN ..... 62**
1. Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được chào bán ..... 62
2. Địa điểm công bố thông tin ..... 66
3. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan ..... 67
4. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá ..... 68
5. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá ..... 68
6. Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần ..... 68
**VIII. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN ..... 68**
**IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHUYỂN NHƯỢNG VỐN ..... 69**
1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn Nhà nước chuyển nhượng ..... 69
2. Tổ chức có vốn Nhà nước chuyển nhượng ..... 69
3. Tổ chức thẩm định giá ..... 69
4. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 ..... 69
5. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 và 2025 ..... 69
6. Tổ chức tư vấn bán đấu giá ..... 69
7. Tổ chức thực hiện bán đấu giá ..... 69
**X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG ..... 69**
**XI. THAY LỜI KẾT ..... 70**

## I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm), và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm), và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025 (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm), và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Quản lý và Đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025 (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm), và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*
- *Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm), và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;*
- *Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*
- *Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ về cơ cấu lại vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;*
- *Quyết định số 40/2026/QĐ-TTg ngày 05/08/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước;*
- *Thông tư số 36/2024/TT-BTC ngày 16/05/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về thẩm định giá doanh nghiệp;*
- *Quyết định số 56/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 05/05/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;*
- *Quyết định số 111/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 08/07/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;*
- *Quyết định số 283/QĐ-ĐTKDV ngày 01/10/2019 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước; Quyết định số 93/QĐ-ĐTKDV ngày 06/04/2022 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Điều 9 Quy chế làm việc của Ban Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;*
- *Quyết định số 41/QĐ-ĐTKDV ngày 09/04/2026 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc điều chỉnh Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu*

*tư phát triển năm 2026;*

- *Quyết định số 230/QĐ-ĐTKDV ngày 03/08/2026 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phân bổ chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2026;*
- *Quyết định số 129/QĐ-ĐTKDV.HDTV ngày 10/8/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung về cơ cấu lại vốn của SCIC đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn giai đoạn 2026 -2030;*
- *Nghị quyết số 314/NQ-ĐTKDV.HĐQT ngày 29/09/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về phương thức bán cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Trà Bắc;*
- *Quyết định số 281/QĐ-ĐTKDV ngày 02/10/2026 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Trà Bắc;*
- *Báo cáo thẩm định giá số 111/2026/107/BCTĐG- CPAVIETNAM-HCM ngày 29/09/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;*
- *Chứng thư thẩm định giá số 111/2026/107/CTTĐG-CPAVIETNAM-HCM ngày 29/09/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;*
- *Hợp đồng dịch vụ tư vấn và tổ chức bán cổ phần số 282 - 2026/FPTS/FCF-HCM/SCIC giữa Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Hồ Chí Minh.*

## II. NHỮNG NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ, … có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty Cổ phần Trà Bắc (sau đây gọi là "Công ty" hoặc "TRABACO") nói riêng.

### 2. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP là một trong những chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng, phản ánh mức độ tăng trưởng và sức khỏe của nền kinh tế trong từng giai đoạn. Chỉ số này thể hiện sự thay đổi về giá trị tổng sản phẩm quốc nội của một quốc gia theo quý hoặc theo năm, qua đó cho thấy xu hướng phát triển của hoạt động sản xuất, tiêu dùng và đầu tư trong nền kinh tế. Khi nền kinh tế duy trì mức tăng trưởng cao, nhu cầu tiêu dùng và lưu thông hàng hóa thường gia tăng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh. Ngược lại, trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế chậm lại hoặc suy giảm, doanh nghiệp có thể đối mặt với rủi ro về chi phí, dòng tiền và hiệu quả vận hành.

**Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2016 – 6T2026**




*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Giai đoạn 2020 – 2024 được xem là thời kỳ nhiều biến động đối với kinh tế toàn cầu khi liên tiếp chịu tác động từ các yếu tố bất định về dịch bệnh, địa chính trị và chính sách tiền tệ. Năm 2020, đại dịch COVID-19 bùng phát đã khiến nền kinh tế thế giới rơi vào suy thoái sâu rộng, hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu bị gián đoạn, chuỗi cung ứng đứt gãy và nhu cầu tiêu dùng sụt giảm mạnh. Bước sang năm 2021, kinh tế thế giới bắt đầu phục hồi nhờ các chương trình tiêm chủng diện rộng cùng những gói hỗ trợ tài khóa và tiền tệ quy mô lớn của nhiều quốc gia. Tuy nhiên, tốc độ phục hồi diễn ra không đồng đều giữa các khu vực và nền kinh tế. Đến năm 2022, xung đột Nga – Ukraine tiếp tục tạo

áp lực lớn lên chuỗi cung ứng năng lượng, lương thực và logistics toàn cầu, đẩy mặt bằng lạm phát tăng cao tại nhiều quốc gia. Trước áp lực lạm phát, các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới đã thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt thông qua việc nâng lãi suất điều hành, kéo theo chi phí vốn và chi phí tài chính gia tăng. Trong hai năm 2023 và 2024, nền kinh tế toàn cầu dần bước vào giai đoạn ổn định hơn, với xu hướng tập trung vào chuyển đổi số, phát triển bền vững và tái cấu trúc chuỗi cung ứng. Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu có dấu hiệu chậm lại do tác động từ chính sách tiền tệ thắt chặt, Việt Nam vẫn là một trong những quốc gia duy trì được đà tăng trưởng tích cực.

Hiện nay, Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng với độ mở nền kinh tế ở mức cao, hoạt động thương mại quốc tế tiếp tục được mở rộng và cơ cấu dân số trong độ tuổi lao động chiếm tỷ trọng lớn. Những yếu tố này tạo nền tảng thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế, tiêu dùng và phát triển thương mại trong nước. Theo Tổng cục thống kê Việt Nam, GDP của Việt Nam năm 2025 đạt mức tăng trưởng 8,02%, đạt mục tiêu của Quốc hội và Chính phủ đề ra. Khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Trong đó, tăng trưởng của một số ngành dịch vụ thị trường như sau: Ngành vận tải, kho bãi tăng 10,99%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,02%; bán buôn và bán lẻ tăng 8,52%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,82%. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2025 ước đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0%; nhập khẩu đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,03 tỷ USD, góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nguồn ngoại tệ và củng cố dự trữ ngoại hối quốc gia. Các thị trường xuất khẩu chủ lực như Hoa Kỳ, Trung Quốc và ASEAN tiếp tục ghi nhận tăng trưởng tích cực, góp phần thúc đẩy lưu chuyển hàng hóa và hoạt động logistics.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 8,18% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 tăng 7,63%). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%, đóng góp 5,66%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,81%, đóng góp 47,20%; khu vực dịch vụ tăng 8,09%, đóng góp 47,14%. Đóng góp của một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như sau: Ngành vận tải, kho bãi tăng 10,18% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 7,73%; bán buôn và bán lẻ tăng 9,67%, đóng góp 13,51%.

Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng trong nước tiếp tục phục hồi mạnh mẽ, đặc biệt tại các đô thị lớn và khu vực có tốc độ đô thị hóa cao. Đây là những yếu tố tích cực hỗ trợ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.

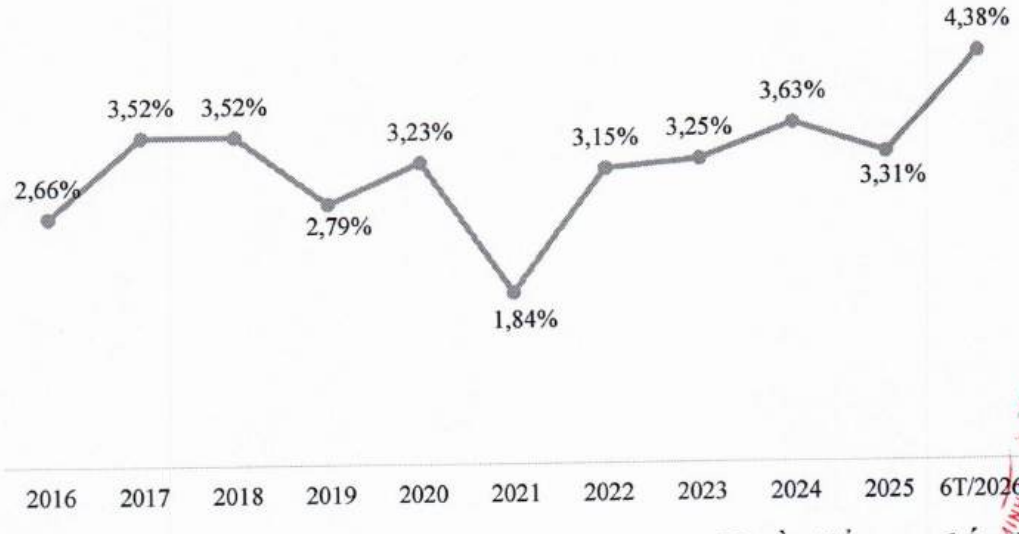
Trong thời gian tới, những chính sách kinh tế mới của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump dự kiến sẽ tác động sâu sắc hơn đến tình hình kinh tế thế giới nói chung và nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Các biến động của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể tham gia vào nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Trà Bắc.

### 3. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là hiện tượng mức giá chung của hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế gia tăng

theo thời gian, làm suy giảm giá trị thực của đồng tiền và ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sinh hoạt, hoạt động sản xuất – kinh doanh cũng như khả năng tiêu dùng của thị trường. Khi lạm phát gia tăng, doanh nghiệp phải đối mặt với áp lực từ chi phí đầu vào như nhiên liệu, chi phí vận tải, chi phí kho bãi, nhân công và chi phí tài chính tăng cao. Đồng thời, sự biến động của mặt bằng giá cả cũng ảnh hưởng đến dòng tiền hoạt động, hiệu quả kinh doanh và kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp.

**Tốc độ tăng trưởng CPI bình quân của Việt Nam giai đoạn 2016 – 6T2026**




*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Theo số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam, CPI bình quân năm 2025 tăng 3,31%, thấp hơn mức tăng 3,63% của năm 2024 và vượt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tăng 3,21%. Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, nhà ở, điện nước, nhiên liệu và vật liệu xây dựng tiếp tục là những nhóm có mức tăng đáng kể, tạo áp lực lên chi phí tiêu dùng và chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Bình quân 6 tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,12% trong bối cảnh chi phí sản xuất đầu vào tăng cao do tác động của xung đột quân sự tại Trung Đông.

Các yếu tố có thể tạo áp lực lạm phát trong năm 2026 bao gồm diễn biến phức tạp của tình hình địa chính trị toàn cầu, nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng năng lượng và hàng hóa, biến động giá dầu và chi phí vận tải quốc tế. Ngoài ra, xu hướng gia tăng cạnh tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn cùng các chính sách bảo hộ thương mại có thể làm gia tăng chi phí logistics, chi phí nhập khẩu và giá nguyên vật liệu trên phạm vi toàn cầu.

Đối với Việt Nam, việc nền kinh tế có độ mở cao khiến hoạt động sản xuất, thương mại quốc tế chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động của thế giới. Khi lạm phát gia tăng, giá nguyên vật liệu và chi phí vận tải thường biến động mạnh, kéo theo chi phí vận hành chung của Công ty tăng lên. Bên cạnh đó, lạm phát còn có thể ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng và lưu chuyển hàng hóa trên thị trường. Trong trường hợp sức mua suy giảm hoặc hoạt động sản xuất – xuất nhập khẩu chậm lại, từ đó tác động đến sản lượng và doanh thu của Công ty.

**4. Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro phát sinh từ sự biến động của mặt bằng lãi suất trên thị trường, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sử dụng vốn và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Việt Nam là nền kinh tế có độ mở lớn, chịu tác động đáng kể từ biến động của thị trường tài chính và chính sách tiền tệ toàn cầu. Các yếu tố như lạm phát, tỷ giá, giá hàng hóa quốc tế và chính sách điều hành lãi suất của các nền kinh tế lớn, đặc biệt là Mỹ, đều có ảnh hưởng nhất định đến mặt bằng lãi suất trong nước. Trong năm 2025, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã thực hiện liên tiếp các đợt điều chỉnh giảm lãi suất, đưa lãi suất tham chiếu xuống mức khoảng 3,5% - 3,75%. Diễn biến này tạo điều kiện để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thêm dư địa điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt hơn nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và giảm áp lực chi phí vốn cho doanh nghiệp.

Trong năm 2025, mặt bằng lãi suất nhìn chung duy trì tương đối ổn đinh, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý hơn. Tuy nhiên, quý IV/2025, áp lực huy động vốn gia tăng khi tín dụng tăng nhanh hơn huy động, đến cuối tháng 12/2025, lãi suất huy động bình quân tăng khoảng 0,47–0,60 điểm % so với đầu năm, trong khi một số ngân hàng ghi nhận mức tăng cao hơn ở các kỳ hạn trung và dài hạn.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tiếp nối áp lực huy động vốn từ cuối năm 2025, mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng nhẹ. Lãi suất huy động tăng tại một số ngân hàng, trong khi lãi suất cho vay nhìn chung vẫn được duy trì tương đối ổn định để hỗ trợ tăng trưởng tín dụng.

Hiện nay, môi trường kinh tế và tài chính toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn như áp lực lạm phát, biến động tỷ giá USD, rủi ro địa chính trị và xu hướng bảo hộ thương mại tại nhiều quốc gia. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng đến chính sách tiền tệ và tạo áp lực lên mặt bằng lãi suất trong thời gian tới. Trong bối cảnh lãi suất tăng, khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng của doanh nghiệp có thể gặp nhiều khó khăn hơn. Điều này có thể ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong tương lai.

**5. Rủi ro về luật pháp**

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp và chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của hệ thống pháp luật trong nước cũng như quốc tế, rủi ro pháp lý đang trở thành một trong những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của doanh nghiệp. Những thay đổi về chính sách, quy định pháp luật hoặc việc không tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh, phát sinh chi phí, tranh chấp pháp lý hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và hình ảnh của doanh nghiệp trên thị trường.

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần nên hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của pháp luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Thương mại, … cũng như các quy định chuyên ngành liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, hải quan, giao nhận hàng hóa và thương mại quốc tế. Vì vậy, mọi thay

đổi trong chính sách pháp luật hoặc quy định quản lý nhà nước đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động vận hành, chi phí tuân thủ và chiến lược phát triển của Công ty

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, TRABACO chủ động tăng cường công tác quản trị tuân thủ, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật mới, rà soát quy trình nội bộ và nâng cao năng lực quản trị nhằm hạn chế rủi ro pháp lý, đảm bảo hoạt động ổn định và phát triển bền vững trong dài hạn.

**6. Rủi ro đặc thù**

Với hơn 30 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm có nguồn gốc từ dừa, TRABACO đã xây dựng được danh mục sản phẩm đa dạng, từ than hoạt tính đến xơ dừa, thảm xơ dừa, cơm dừa sấy khô, mùn dừa và các sản phẩm liên quan. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có sự phụ thuộc nhất định vào các yếu tố liên quan đến nguyên vật liệu cũng như sự gia nhập của các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực, cụ thể như sau:

- ***Rủi ro vùng nguyên vật liệu đầu vào***

Nguồn nguyên liệu đầu vào của TRABACO chịu ảnh hưởng đáng kể từ điều kiện tự nhiên và tình hình nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long. Trong thời gian gần đây, tình trạng nguồn nước đầu nguồn sông Mê Kông suy giảm và hạn hán, xâm nhập mặn đã tác động đến sản lượng dừa, qua đó gây áp lực lên nguồn cung nguyên liệu sản xuất chính của Công ty. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh trong thu mua nguyên liệu giữa các doanh nghiệp cùng ngành cũng có thể dẫn đến rủi ro tăng giá nguyên liệu. Đối với đặc thù hoạt động của TRABACO, chi phí nguyên liệu thường chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 70 - 80% tổng cơ cấu chi phí, do đó biến động về nguồn cung và giá nguyên liệu có thể ảnh hưởng đáng kể đến chi phí sản xuất và hiệu quả hoạt động của Công ty.

- ***Rủi ro cạnh tranh***

Thị trường các sản phẩm từ dừa có mức độ cạnh tranh tương đối cao với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp và cơ sở sản xuất trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và các địa phương lân cận. Sự cạnh tranh này có thể gây áp lực lên giá bán, thị phần và khả năng duy trì khách hàng của Công ty Cổ phần Trà Bắc. Trước bối cảnh này, định hướng hiện tại của Công ty là tập trung phát triển và đa dạng hóa danh mục sản phẩm, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường kinh doanh trong và ngoài nước.

- ***Rủi ro công nghệ sản xuất***

Hệ thống máy móc, thiết bị hiện tại của TRABACO có nguồn gốc từ Nga, trong khi công nghệ sản xuất chủ yếu được phát triển từ Trung Quốc. Mặc dù thiết bị và công nghệ hiện tại của Công ty đã có mức độ lạc hậu nhất định so với các dây chuyền tiên tiến trên thế giới, nhưng hệ thống sản xuất vẫn đáp ứng được yêu cầu về chất lượng và duy trì hiệu quả hoạt động ở thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, trong dài hạn, TRABACO cần có kế hoạch đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị và ứng dụng công nghệ hiện đại hơn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và duy trì năng lực cạnh tranh trên thị trường.

**7. Rủi ro của đợt chào bán**

Kết quả chào bán cổ phần của TRABACO phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó bao gồm diễn biến của thị trường chứng khoán tại thời điểm tổ chức đấu giá, tâm lý và mức độ quan tâm của nhà đầu tư, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hấp dẫn của cổ phiếu TRABACO. Vì vậy, đợt chào bán cổ phần có thể gặp rủi ro không phân phối hết số lượng cổ phần như dự kiến.

**8. Rủi ro khác**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Trà Bắc không chỉ đối mặt với những rủi ro chính liên quan đến nguồn nguyên liệu và mức độ cạnh tranh trên thị trường, mà còn phải đối diện với những tác động không lường trước được như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, dịch bệnh, và nhiều yếu tố khác. Những rủi ro này có thể gây ra thiệt hại nặng nề về người, tài sản và hoạt động tổng thể của Công ty.

## III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

**1. Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng**

**Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH**

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3824 0703 Fax: (024) 6278 0136

Người đại diện theo ủy quyền: **Bà Lê Thị Hoài Diễm**

Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

*(Theo Quyết định số 152/QĐ-ĐTKDV ngày 25/05/2022 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước).*

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu SCIC cung cấp trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác trên cơ sở tài liệu và số liệu do Công ty Cổ phần Trà Bắc cung cấp.

**2. Tổ chức có vốn Nhà nước được chuyển nhượng**

**Công ty Cổ phần Trà Bắc**

Địa chỉ: Số 216 Bạch Đằng, Phường Long Đức, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Điện thoại: (029) 4385 2561 Fax: (029) 4385 4857

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Huỳnh Khắc Nhu**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Chúng tôi xác nhận rằng SCIC là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu về TRABACO trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

**3. Tổ chức tư vấn bán chào bán**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3914 6888 Fax: (028) 3914 7999

Người đại diện theo ủy quyền: **Bà Vũ Thị Thanh Nga**

Chức vụ: **Giám đốc Tư vấn Tài chính doanh nghiệp - Chi nhánh Hồ Chí Minh**

*(Theo Giấy ủy quyền số 33-2026/UQ/FPTS ngày 31/03/2026 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT)*

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH tại Công ty Cổ phần Trà Bắc do đơn vị tư vấn tham gia lập và công bố. Bản công bố thông tin này có những lưu ý, điều kiện và hạn chế sau:

- Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này dựa vào các thông tin và số liệu trên BCTC và các số liệu liên quan khác được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; cũng như được tham khảo từ các nguồn khác mà Chúng tôi coi là đáng tin cậy. SCIC và FPTS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các dữ liệu.
- Bản Công bố thông tin này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại tính đến ngày / / đã được công bố công khai. Các sự kiện xảy ra sau ngày này chưa được xem xét và SCIC, tổ chức tư vấn không có nghĩa vụ phải cập nhật lại Bản Công bố thông tin đối với các sự kiện này;
- Các BCTC được thu thập và sử dụng trong Bản công bố thông tin này bao gồm: Báo cáo tài chính năm 2023, 2024 và 2025 của Công ty Cổ phần Trà Bắc được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023) và Công ty TNHH AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 và 2025).
- Chúng tôi giả định rằng TRABACO tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ về hoạt động và kinh doanh;
- FPTS, nhân viên của FPTS (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán, thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của TRABACO cho SCIC, chính TRABACO và các khách hàng khác của FPTS và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản công bố thông tin này;
- Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

## 4. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

**Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3821 7713 Fax: (028) 3821 7452

Website: https://www.hsx.vn

## IV. CÁC KHÁI NIỆM

| | | | |
|---|---|---|---|
| – | BCTC | : | Báo cáo tài chính |
| – | BKS | : | Ban Kiểm soát |
| – | CBTT | : | Công bố thông tin |
| – | CNĐKDN | : | Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| – | CTCP | : | Công ty cổ phần |
| – | CBCNV | : | Cán bộ, công nhân viên |
| – | Công ty, TRABACO | : | Công ty Cổ phần Trà Bắc |
| – | CPTPP | : | Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương |
| – | ĐHĐCĐ | : | Đại hội đồng cổ đông |
| – | ĐVT | : | Đơn vị tính |
| – | EU | : | Liên minh Châu Âu |
| – | EVFTA | : | Hiệp định Thương mại tự do Liên minh Châu Âu - Việt Nam |
| – | FPTS | : | Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh Hồ Chí Minh |
| – | GDP | : | Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm nội địa |
| – | GTGT | : | Giá trị gia tăng |
| – | HĐQT | : | Hội đồng quản trị |
| – | HĐKD | : | Hoạt động kinh doanh |
| – | RCEP | : | Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Khu vực |
| – | ROA | : | Tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản |
| – | ROE | : | Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu |
| – | SCIC | : | Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH |
| – | QSDĐ | : | Quyền sử dụng đất |
| – | TSCĐ | : | Tài sản cố định |
| – | TSLĐ | : | Tài sản lưu động |
| – | TNHH | : | Trách nhiệm hữu hạn |
| – | TNDN | : | Thu nhập doanh nghiệp |
| – | UBND | : | Ủy ban nhân dân |
| – | USD | : | Tiền đồng Đô la Mỹ |
| – | VNĐ | : | Tiền đồng Việt Nam |
| – | QLDN | : | Quản lý doanh nghiệp |
| – | LNKD | : | Lợi nhuận kinh doanh |
| – | LNST | : | Lợi nhuận sau thuế |
| – | BVPS | : | Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu |
| – | EPS | : | Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu |

## V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

### 1. Thông tin về tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

### 1.1 Thông tin cơ bản

| | | |
|---|---|---|
| Tên giao dịch trong nước | : | **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH** |
| Tên giao dịch quốc tế | : | State Capital and Investment Corporation |
| Tên viết tắt | : | SCIC |
| Vốn điều lệ | : | 50.000.000.000.000 đồng (Năm mươi nghìn tỷ đồng) |
| Trụ sở chính | : | Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại | : | (024) 3824 0703 |
| Fax | : | (024) 6278 0136 |
| Website | : | www.scic.vn |
| Email | : | contact@scic.vn |
| Giấy CNĐKDN số | : | 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/07/2010, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 09 ngày 11/08/2026. |
| Ngành nghề kinh doanh chính | : | ▪ Đầu tư và quản lý vốn đầu tư theo nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;<br>▪ Tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ;<br>▪ Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, bán vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp đã tiếp nhận theo quy định hiện hành;<br>▪ Đầu tư và kinh doanh vốn vào ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật;<br>▪ Cung cấp các dịch vụ tư vấn về đầu tư, tài chính, chuyển đổi, quản trị, mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và các ngành, nghề khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao. |
| Logo | : | SCIC |

## 1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

SCIC được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Với chức năng quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp nhà nước nói riêng

nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường. SCIC được Chính phủ thành lập là bước đi quan trọng trong tiến trình thúc đẩy sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, tiến tới xóa bỏ can thiệp hành chính của các cơ quan nhà nước vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, chuyển đổi phương thức quản lý vốn Nhà nước từ quyết định hành chính sang đầu tư kinh doanh vốn, theo đó, Nhà nước đóng vai trò là cổ đông - nhà đầu tư, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và bình đẳng với các khu vực đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế.

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8/2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin, và nhiều lĩnh vực khác. SCIC được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển sang mô hình Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10/06/2010.

Ngày 01/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

Ngày 16/06/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2014/NĐ-CP về Điều lệ và tổ chức hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

Ngày 10/07/2017, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1001/QĐ-TTg về phê duyệt phương án sắp xếp phân loại doanh nghiệp của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH đến năm 2020.

Ngày 13/07/2017, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2012/QĐ-TTg về phê duyệt phương án cơ cấu lại SCIC đến năm 2020, theo đó: *"SCIC sẽ xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt sau khi Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp được thành lập"*.

Ngày 25/12/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 147/2017/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 151/2013/NĐ-CP và Nghị định số 148/2017/NĐ-CP thay thế Nghị định số 57/2014/NĐ-CP;

Ngày 12/11/2018, Bộ Tài chính đã hoàn thành việc bàn giao SCIC về Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Ngày 21/03/2025, Chính phủ ban hành Nghị Quyết số 58/NQ-CP ngày 21/03/2025 giải thể Uỷ ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, theo đó SCIC được chuyển giao về Bộ Tài Chính.

Ngày 11/08/2026, SCIC được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với vốn điều lệ là 50.000.000.000.000 đồng (Năm mươi nghìn tỷ đồng).

**2. Mối quan hệ với tổ chức có vốn Nhà nước chuyển nhượng**

SCIC là cổ đông Nhà nước và là cổ đông lớn tại Công ty Cổ phần Trà Bắc.

**3. Số cổ phần sở hữu hiện tại**

Tại thời điểm **30/06/2026**, SCIC còn sở hữu **4.941.314 cổ phần** TRABACO, tương đương

với 45,68% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn điều lệ thực góp của TRABACO, tương ứng với giá trị vốn góp tính theo mệnh giá là **49.413.140.000 đồng** (Bốn mươi chín tỷ bốn trăm mười ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

**4. Tỷ lệ cổ phần chào bán/cổ phần đang sở hữu**

SCIC chào bán toàn bộ số cổ phần đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Trà Bắc, tương đương tỷ lệ cổ phần chào bán/tổng cổ phần đang sở hữu là 100%.

## VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG

**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

**1.1 Giới thiệu về tổ chức có vốn Nhà nước chuyển nhượng**

| | | |
|---|---|---|
| Tổ chức có vốn Nhà nước chuyển nhượng | : | **CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC** |
| Tên quốc tế | : | TRABAC JOINT STOCK CORPORATION |
| Tên viết tắt | : | TRABACO |
| Trụ sở chính | : | Số 216 Bạch Đằng, Phường Long Đức, Tỉnh Vĩnh Long |
| Điện thoại | : | (029) 4385 2561 |
| Fax | : | (029) 4385 4857 |
| Website | : | www.trabaco.com.vn |
| Giấy CNĐKDN số | : | 2100266310 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 27/04/2006, Sở Tài chính Tỉnh Vĩnh Long cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 18/06/2026 |
| Vốn điều lệ | : | 108.183.740.000 đồng (Một trăm lẻ tám tỷ một trăm tám mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). |
| Logo | : | |

**1.2 Ngành, nghề kinh doanh**

Theo Giấy CNĐKDN số 2100266310 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 27/04/2006, Sở Tài chính Tỉnh Vĩnh Long cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 18/06/2026, TRABACO kinh doanh các ngành nghề sau:

**Danh mục ngành, nghề kinh doanh của TRABACO**

| Stt | Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|---|---|---|
| 1 | **1030 (Chính)** | **Chế biến và bảo quản rau quả.**<br>***Chi tiết: Thu mua và chế biến các sản phẩm từ trái dừa*** |
| 2 | 1410 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) |

| Stt | Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|---|---|---|
| 3 | 1629 | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>*Chi tiết: Sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm than hoạt tính, xơ dừa, thảm xơ dừa, cơm dừa sấy khô và các sản phẩm khác* |
| 4 | 4659 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>*Chi tiết: Nhập khẩu các thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên phụ liệu sản xuất, chế biến* |
| 5 | 4663 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>*Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng* |
| 6 | 3011 | Đóng tàu và cấu kiện nổi<br>*Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị tàu thủy. Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ khí và đóng tàu. Sửa chữa, đóng mới tàu thủy, xà lan* |
| 7 | 3822 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại<br>*Chi tiết: Quản lý, xử lý các chất thải nguy hại* |
| 8 | 1910 | Sản xuất than cốc<br>*Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và chế phẩm từ than đá* |
| 9 | 4620 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>*Chi tiết: Thu mua và chế biến nông sản* |
| 10 | 2592 | Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại<br>*Chi tiết: Gia công, chế tạo thiết bị cơ khí* |
| 11 | 1393 | Sản xuất thảm, chăn, đệm |
| 12 | 1399 | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu |
| 13 | 1392 | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)<br>*Chi tiết: Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)* |
| 14 | 1430 | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc |
| 15 | 1512 | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm |
| 16 | 4641 | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép |
| 17 | 4669 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>*Chi tiết; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt, phụ liệu may mặc và giày dép* |
| 18 | 4751 | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh |

| Stt | Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|---|---|---|
| 19 | 4771 | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh |
| 20 | 2395 | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao<br>*Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng* |
| 21 | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>*Chi tiết: Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, nhà kho* |

*(Nguồn: TRABACO)*

### 1.3 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Trà Bắc lần đầu tiên được thành lập vào ngày 15/10/1988 theo Quyết định số 241/QĐ.UBT của Chủ tịch UBND Tỉnh Cửu Long (nay là Tỉnh Vĩnh Long và Tỉnh Trà Vinh) với tên gọi là Xí nghiệp Dầu Thực vật Cửu Long (hạch toán độc lập – trực thuộc Công ty Cây có dầu Cửu Long).

Ngày 22/12/1992, theo Quyết định số 611/QĐ.UBT của Chủ tịch UBND Tỉnh Trà Vinh đổi tên từ Xí nghiệp Dầu Thực vật Cửu Long thành Xí nghiệp Dầu Thực vật Trà Vinh do Tỉnh Cửu Long tách thành hai Tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh.

Ngày 31/10/1995, Công ty liên doanh một phần với Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (thuộc Tổng công ty Hóa chất Việt Nam) thành lập Công ty liên doanh Trà Bắc theo Quyết định số 1173.QĐ/TCCBĐT ngày 30/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Ngày 11/01/2001, Công ty liên doanh Trà Bắc đổi tên thành Công ty TNHH Than hoạt tính Trà Bắc, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Ngày 20/07/1996, Xí nghiệp Dầu Thực vật Trà Vinh đổi tên thành Công ty Chế biến dừa Trà Vinh theo Quyết định số 990/QĐ-UBT của Chủ tịch UBND Tỉnh Trà Vinh, bổ sung kinh doanh thêm một số mặt hàng như xơ dừa, mùn dừa, nông sản xuất khẩu, phân bón các loại, …

Ngày 08/08/2002, sau khi thanh lý hợp đồng liên doanh và nhận chuyển giao vốn từ Tổng công ty Hóa chất Việt Nam theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND Tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 42/2002/QĐ.UBT về việc sáp nhập Công ty TNHH Than hoạt tính Trà Bắc vào Công ty Chế biến dừa Trà Vinh, đổi tên Công ty Chế biến dừa Trà Vinh thành Công ty Trà Bắc Tỉnh Trà Vinh.

Ngày 12/04/2005 và ngày 03/12/2005, Công ty thực hiện Quyết định số 523/QĐ-CTT và Quyết định số 2509/QĐ-UBT của Chủ tịch UBND Tỉnh Trà Vinh về việc cổ phần hóa và phê duyệt phương án.

Ngày 19/04/2006, ĐHĐCĐ thành lập CTCP Trà Bắc đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, phương án sản xuất kinh doanh các năm tới, bầu HĐQT và BKS Công ty.

### 1.4 Thành tích Công ty đạt được từ trước đến nay

Trong những năm qua, TRABACO được những thành tích:

- Năm 2008, Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua "Đã hoàn thành xuất sắc

nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào Thi đua yêu nước năm 2008 của Tỉnh Trà Vinh";

- Các năm 2005, 2007, 2008 và 2009, Công ty được Bộ Công Thương tặng Bằng khen "Đã có thành tích xuất khẩu xuất sắc trong năm 2005" và danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín" năm 2007, 2008, 2009;
- Năm 2010, Công ty được Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tặng "Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2010 cho Top 200 Thương hiệu Việt Nam";
- Năm 2011, Công ty đạt các danh hiệu "Top 500 Sản phẩm và Dịch vụ hàng đầu Việt Nam" và "Giải Bạc chất lượng Quốc gia";
- Năm 2016, Chủ tịch nước tặng "Huân chương Lao động hạng Nhì";
- Năm 2018, Công ty được Chính phủ trao tặng Cờ thi đua theo Quyết định số 916/QĐ-TTg ngày 23/07/2019 của Thủ tướng Chính phủ và được UBND Tỉnh Trà Vinh tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" theo Quyết định số 1648/QĐ-UBND, ngày 27/08/2019 của UBND Tỉnh Trà Vinh;
- Năm 2019, sản phẩm cơm dừa sấy khô, bộ sản phẩm than viên gáo dừa BBQ và than hoạt tính sọ dừa của TRABACO được công nhận "Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia";
- Năm 2020, sản phẩm nước cốt dừa cấp đông của TRABACO vinh dự đạt giải Nhất bình chọn "Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu Tỉnh Trà Vinh lần thứ V" và được đề xuất tham gia bình chọn "Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực phía Nam";
- Năm 2020, Công ty được UBND Tỉnh Trà Vinh tặng Cờ thi đua của tỉnh theo Quyết định số 2389/QĐ-UBND, ngày 11/06/2020 của UBND Tỉnh Trà Vinh.

## 2. Cơ cấu vốn cổ phần

Đến thời điểm ngày 30/06/2026, TRABACO có **44** cổ đông và Công ty không phải là công ty đại chúng. Cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

**Cơ cấu cổ đông tính tại ngày 30/06/2026**

| Stt | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu | Giá trị (VNĐ) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Cổ đông nhà nước** | **1** | **4.941.314** | **49.413.140.000** | **45,68%** |
| **II** | **Cổ đông trong nước** | **40** | **5.182.728** | **51.827.280.000** | **47,91%** |
| 1 | Cổ đông tổ chức | - | - | - | - |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 40 | 5.182.728 | 51.827.280.000 | 47,91% |
| **III** | **Cổ đông nước ngoài** | **3** | **694.332** | **6.943.320.000** | **6,42%** |
| 1 | Cổ đông tổ chức | - | - | - | - |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 3 | 694.332 | 6.943.320.000 | 6,42% |
| **Tổng cộng (I+II +III)** | | **44** | **10.818.374** | **108.183.740.000** | **100%** |

*(Nguồn: TRABACO)*

**3. Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty**

**Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên tại ngày 30/06/2026**

| Stt | Tên cổ đông | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH | 4.941.314 | 45,68% |
| 2 | Sử Chánh | 1.509.354 | 13,95% |
| 3 | Đặng Anh Tuấn | 1.146.277 | 10,60% |
| 4 | Huỳnh Văn Tài | 1.112.279 | 10,28% |
| 5 | Huỳnh Khắc Nhu | 963.926 | 8,91% |
| **Tổng cộng** | | **9.673.150** | **89,42%** |

*(Nguồn: TRABACO)*

**4. Danh sách công ty mẹ, công ty con, những công ty mà TRABACO nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với TRABACO**

- ***Công ty mẹ và công ty con của TRABACO:***

Không có.

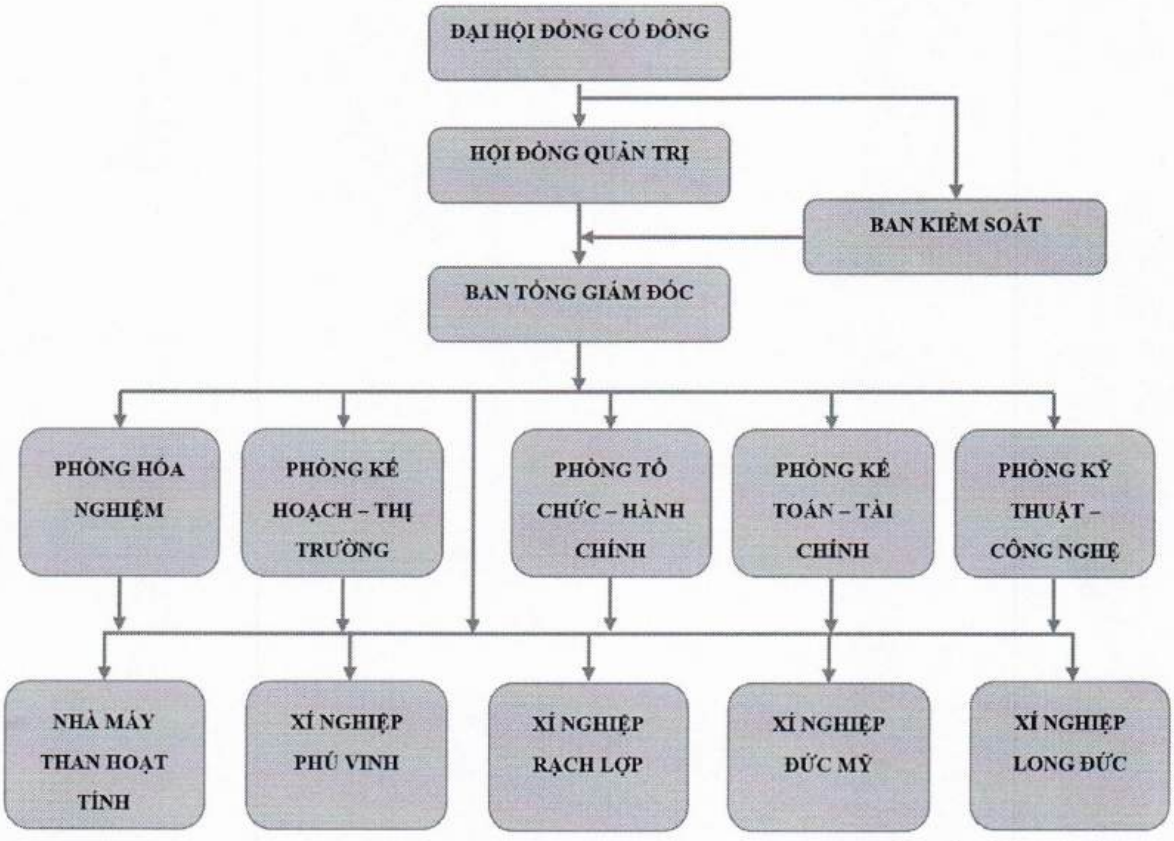
- ***Công ty mà TRABACO nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối hoặc công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với TRABACO:***

Không có.

**5. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty**

Hiện nay, TRABACO được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020. Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động.

**Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty**




*(Nguồn: TRABACO)*

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có quyền quyết định mọi hoạt động quan trọng của Công ty, trong đó có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS.

❖ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Các thành viên của HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra sẽ bỏ phiếu, bầu ra Chủ tịch HĐQT. HĐQT thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Trà Bắc. Cơ cấu HĐQT đương nhiệm như sau:

**Danh sách HĐQT**

| Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | |
|---|---|---|---|
| | | Sở hữu cá nhân (cổ phần) | Đại diện sở hữu cho SCIC (cổ phần) (*) |
| Lâm Chấn Kỳ | Phó Chủ tịch HĐQT | 0 | 0 |
| Huỳnh Khắc Nhu | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 963.926 | 1.551.095 |
| Hồ Quang Khải | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 65.257 | 1.551.095 |
| Huỳnh Tứ Quí | Thành viên HĐQT | 4.873 | 0 |

*(*): Theo Quyết định số 194/QĐ-ĐTKDV ngày 17 tháng 07 năm 2025 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.*

*(Nguồn: TRABACO)*

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Quyền và nghĩa vụ của BKS được xác định theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Các hoạt động của BKS đều nhằm mục tiêu thay mặt cổ đông kiểm soát hoạt động quản trị của HĐQT và hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

**Danh sách Ban Kiểm soát**

| Họ và Tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | |
|---|---|---|---|
| | | Sở hữu cá nhân (cổ phần) | Đại diện sở hữu (cổ phần) |
| Đặng Anh Tuấn | Trưởng BKS | 1.146.277 | 0 |
| Nguyễn Thanh Hải | Thành viên BKS | 2.293 | 0 |
| Nguyễn Phong Dinh | Thành viên BKS | 2.604 | 0 |

*(Nguồn: TRABACO)*

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Tổng Giám đốc gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện pháp luật Công ty, có quyền điều hành cao nhất trong Công ty; trực tiếp chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

**Danh sách Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và Tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | |
|---|---|---|---|
| | | Sở hữu cá nhân (cổ phần) | Đại diện sở hữu cho SCIC (cổ phần) (*) |
| Huỳnh Khắc Nhu | Tổng Giám đốc | 963.926 | 1.551.095 |
| Hồ Quang Khải | Phó Tổng Giám đốc | 65.257 | 1.551.095 |

*(*): Theo Quyết định số 194/QĐ-ĐTKDV ngày 17 tháng 07 năm 2025 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.*

*(Nguồn: TRABACO)*

❖ **Kế toán trưởng**

**Kế toán trưởng**

| Họ và Tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | |
|---|---|---|---|
| | | Sở hữu cá nhân (cổ phần) | Đại diện sở hữu (cổ phần) |
| Ngô Kinh Luân | Kế toán trưởng | 56.380 | 0 |

*(Nguồn: TRABACO)*

❖ **Các phòng, ban chuyên môn**

- **Phòng Hóa nghiệm**

Là đơn vị tham mưu cho Ban Tổng Giám Đốc về công tác kiểm tra, phân tích, đánh giá chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo chất lượng hệ thống quản lý chất lượng của Công ty:

- Tổ chức, quản lý công việc kiểm tra, phân tích mẫu, đánh giá chất lượng sản phẩm một cách chính xác, khách quan theo tiêu chuẩn của Công ty và yêu cầu khách hàng;
- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề về kiểm tra, phân tích mẫu và kiểm soát chất lượng sản phẩm trong Công ty;
- Thực hiện phân tích mẫu cho các đơn vị bên ngoài khi được Ban Tổng Giám Đốc đồng ý;
- Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, phương pháp làm việc, đề xuất phương án hoạt động tối ưu để phát triển công tác kiểm soát chất lượng theo hướng chuyên nghiệp và chuẩn hóa;
- Ghi chép, kiểm soát các số liệu kiểm tra, phân tích và lưu một cách chính xác. Lập kế hoạch về nhu cầu sử dụng dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị bổ sung (hàng tháng);
- Lưu giữ tài liệu, hồ sơ chất lượng và đảm bảo tính an toàn, bảo mật;
- Giữ gìn và sử dụng có hiệu quả máy móc, trang thiết bị được giao;
- Thực hiện chế độ báo cáo đúng quy định.

- **Phòng Kế hoạch – Thị trường**

Là đơn vị có chức năng tham mưu giúp việc Ban Tổng giám đốc trong công tác chỉ đạo điều hành lập kế hoạch, tổ chức phổ biến, theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất – kinh doanh và trực tiếp quản lý công tác thu mua, bán hàng của Công ty:

- Lập kế hoạch tháng, quý, năm về nguyên nhiên liệu, vật tư, tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức phổ biến, kiểm tra thực hiện theo kế hoạch. Phối hợp chặt chẽ với các Phòng ban – Phân xưởng xây dựng và thực hiện các định mức kinh tế – kỹ thuật, nhằm giảm giá thành sản xuất, kịp thời báo cáo với Ban Tổng Giám đốc những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các biện pháp giải quyết. Định kỳ báo cáo sơ tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch, phân tích đánh giá và đề ra các biện pháp nhằm đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức thu mua và xây dựng mạng lưới cung cấp nguyên – nhiên vật liệu ổn định, quản lý kho bãi, số lượng, chất lượng hàng hóa vật tư… quản lý tài sản và các phương tiện được giao, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu phục vụ công tác sản xuất – kinh doanh. Thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát mỗi khi nhập mua hàng. Tổ chức đánh giá chất lượng, số lượng hàng hóa nhập kho để đề nghị Ban Tổng Giám đốc lựa chọn, phê duyệt danh sách các nhà cung cấp hàng hóa đạt yêu cầu cho Công ty;
- Theo dõi và thực hiện các hợp đồng đã ký với khách hàng trong nước và xuất khẩu, tổ chức giao nhận hàng đảm bảo đạt yêu cầu đặt hàng và theo đúng tiến độ quy định
- Thực hiện chào hàng, tiếp cận thị trường trong và ngoài nước, không ngừng tìm kiếm khách hàng cung cấp và tiêu thụ sản phẩm. Theo dõi và tổng hợp các thông tin diễn biến về tình hình giá cả thị trường, kịp thời phản ánh với Ban Tổng Giám đốc để có biện pháp chỉ đạo nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh của Công ty;
- Nghiên cứu đa dạng các sản phẩm, cải tiến mẫu mã nhãn mác bao bì, catalogs, giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu bằng các hình thức: tham gia hội chợ, triển lãm, bán hàng khuyến mãi vào các hệ thống siêu thị, cập nhật thông tin trên website công ty: www.trabaco.vn.

- **Phòng Tổ chức - Hành chính**

Là đơn vị tham mưu về công tác hành chính, công tác lao động tiền lương, tổ chức cán bộ, công tác khen thưởng, kỷ luật, cụ thể hóa các chế độ chính sách của nhà nước.

- Tổ chức, quản lý công tác văn phòng, thực hiện các nhiệm vụ hành chính, soạn thảo các văn bản: mệnh lệnh, thông báo, biên bản cuộc họp để làm cơ sở triển khai thực hiện kiểm tra các chỉ thị mệnh lệnh của Ban Tổng Giám đốc, cụ thể hóa các văn bản của Nhà nước áp dụng vào trong công ty;
- Tổ chức xây dựng và thực hiện các kế hoạch lao động, đào tạo, tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng, BHXH, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại… theo yêu cầu của công ty, bảo đảm đúng quy chế;
- Theo dõi, kiểm tra các đơn vị về các mặt: Tổ chức quản lý sản xuất, thực hiện biên chế sử dụng lao động, phân chia tiền lương, tiền thưởng, đào tạo, đề bạt, nâng lương, nâng bậc, khen thưởng, kỷ luật…. bảo đảm thực hiện đúng quy chế của công ty;

- Lưu giữ công văn, theo dõi công văn đi và đến, quản lý tốt các con dấu, kiểm soát các loại hồ sơ chất lượng của phòng và kiểm soát tài liệu chất lượng của công ty.

- **Phòng Kế toán – Tài chính**

Là đơn vị thuộc Công ty giúp Tổng Giám đốc thực hiện các chức năng theo dõi và quản lý về tài sản, tiền vốn trong đơn vị.

- Lập kế hoạch tài chính hằng năm;
- Quyết toán tài chính định kỳ trong Công ty;
- Theo dõi, kiểm tra các khoản thu, chi trong đơn vị trước khi trình Giám đốc phê duyệt, căn cứ những quy định của pháp luật;
- Thực hiện chế độ báo tài chính (và chịu trách nhiệm) theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- **Phòng Kỹ thuật – Công nghệ**

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc công ty, là đơn vị có chức năng tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám Đốc trong công tác chỉ đạo điều hành lập kế hoạch, tổ chức phổ biến, theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch duy tu, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc nhà xưởng và trực tiếp quản lý công tác đầu tư thiết bị công nghệ, bảo trì, bảo dưỡng, cơ sở hạ tầng của Công ty. Tổ chức in nhãn mác bao bì cho các đơn vị sản xuất.

- Lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị và chế tạo thiết bị mới phục vụ sản xuất;
- Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và cơ sở hạ tầng;
- Thực hiện kế hoạch sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và công tác đầu tư thiết bị mới;
- Hỗ trợ các cơ sở, xí nghiệp, đơn vị trực thuộc và thiết bị phục vụ sản xuất;
- Đưa ra các phương án cải tiến thiết bị, hợp lý hóa sản xuất trình Ban Tổng Giám Đốc Công ty xem xét, phê duyệt;
- Phối hợp với các bộ phận, thực hiện dự án đầu tư mở rộng sản xuất, vận dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, các đề tài khoa học cấp Công ty, cấp Tỉnh;
- Tổ chức in nhãn mác bao bì cho các bộ phận sản xuất;
- Báo cáo Ban Tổng Giám Đốc Công ty tình hình thiết bị, công tác đầu tư, công tác sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì thiết bị và công tác khác, trên cơ sở hàng tuần hoặc đột xuất có yêu cầu.

❖ **Nhà máy, xí nghiệp của Công ty**

- **Nhà máy Than hoạt tính**

Là đơn vị trách nhiệm trực tiếp về việc sản xuất và gia công các loại than hoạt tính theo yêu cầu của Ban giám đốc Công ty.

- Tổ chức quản lý, vận hành lò hoạt hóa và các thiết bị phụ trợ khác đúng qui trình công nghệ, đảm bảo sản lượng, chất lượng sản phẩm, định mức kỹ thuật, an toàn cho

người và thiết bị máy móc;

- Chịu trách nhiệm giải quyết mọi yêu cầu về an toàn đối với máy móc thiết bị, nhà xưởng đơn vị quản lý, nếu chậm trễ để xảy ra tai nạn lao động hoặc sự cố công nghệ, thiết bị phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty;
- Thường xuyên kiểm tra hiện trường, điều kiện môi trường làm việc của công nhân, có những giải pháp tích cực để cải thiện điều kiện lao động, môi trường làm việc đảm bảo an toàn, ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động;
- Có trách nhiệm điều tra sự cố công nghệ, thiết bị tai nạn lao động báo cáo cấp trên và đề xuất các giải pháp khắc phục và phòng ngừa;
- Chịu trách nhiệm huấn luyện định kỳ cho công nhân viên đơn vị mình và công nhân mới, nhân viên tập sự ở Nhà máy mình phụ trách.

- **Xí nghiệp Phú Vinh**

Là đơn vị có chức năng sản xuất kinh doanh mặt hàng Xơ dừa dệt tấm và Cơm dừa sấy khô, là đơn vị hạch toán phụ thuộc, chịu sự quản lý trực tiếp và toàn diện của công ty:

- Quản lý tốt nguồn vốn, tài sản và các nguồn lực khác do Công ty giao;
- Thực hiện sản xuất kinh doanh sản phẩm Xơ dừa dệt tấm và Cơm dừa sấy khô và chịu trách nhiệm trước Công ty về những sản phẩm do Xí nghiệp cung cấp cho khách hàng;
- Không ngừng củng cố và phát triển mạng lưới cung cấp nguyên liệu;
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách liên quan đến người lao động;
- Đề ra các nội qui, qui định về kỷ luật lao động, vệ sinh công nghiệp, các biện pháp đảm bảo an toàn lao động;
- Xí nghiệp phải mở sổ sách kế toán ghi chép đầy đủ kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên theo định kỳ cho công ty về thu chi tài chính, lao động, tình hình sản xuất kinh doanh, tình trạng các máy móc thiết bị.

- **Xí nghiệp Rạch Lợp**

Là đơn vị có chức năng thu mua và chế biến các sản phẩm từ trái dừa như xơ dừa, mùn dừa, …

- Quản lý tốt nguồn vốn, tài sản và các nguồn lực khác do Công ty giao;
- Tổ chức thu mua theo giá do Công ty công bố theo từng thời điểm;
- Tổ chức sản xuất các sản phẩm và chịu trách nhiệm trước Công ty về những sản phẩm do xí nghiệp cung cấp cho khách hàng;
- Không ngừng củng cố và phát triển mạng lưới cung cấp nguyên liệu;
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách liên quan đến người lao động;
- Đề ra các nội qui, qui định về kỉ luật lao động, vệ sinh công nghiệp, các biện pháp bảo đảm an toàn lao động;

- Xí nghiệp phải mở sổ sách kế toán ghi chép đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên theo định kỳ cho Công ty về thu chi tài chính, lao động, tình hình sản xuất kinh doanh, tình trạng máy móc thiết bị.

- **Xí nghiệp Đức Mỹ**
  - Trước đây chức năng xí nghiệp là sản xuất & kinh doanh xơ dừa kiện và kinh doanh dừa trái.
  - Nay tạm ngưng hoạt động do yếu tố khách quan, đang chờ tái cơ cấu lại.
- **Xí nghiệp Long Đức**

Là đơn vị có chức năng sản xuất than viên không khói (BBQ), than Shisha, than Anthracite.

- Quản lý tốt nguồn vốn, tài sản và các nguồn lực khác do Công ty giao;
- Thực hiện sản xuất than viên không khói (BBQ), than Shisha, than Anthracite và chịu trách nhiệm trước Công ty về những sản phẩm do Xí nghiệp cung cấp cho khách hàng;
- Không ngừng củng cố và phát triển mạng lưới cung cấp nguyên liệu;
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách liên quan đến người lao động;
- Đề ra các nội qui, qui định về kỷ luật lao động, vệ sinh công nghiệp, các biện pháp đảm bảo an toàn lao động;
- Xí nghiệp phải mở sổ sách kế toán ghi chép đầy đủ kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên theo định kỳ cho công ty về thu chi tài chính, lao động, tình hình sản xuất kinh doanh, tình trạng máy móc thiết bị.

## 6. Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

### 6.1. Hội đồng quản trị

a. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

| Họ và tên: | LÂM CHẤN KỲ |
|---|---|
| Giới tính: | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | 15/08/1965 |
| CCCD số: | 092065001820 do Bộ Công an cấp ngày 09/07/2025 |
| Dân tộc: | Hoa |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Quê quán: | Hải Nam, Trung Quốc |
| Địa chỉ thường trú: | Số E10-03, Riverside Residence, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Điện thoại liên hệ: | 0913 125 156 |
| Trình độ văn hóa: | 8/12 |
| Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: | Quản lý |

| | |
|---|---|
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Trà Bắc: | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Phó Giám đốc Công ty TNHH MORI SHIGE |

b. Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

| **Họ và tên:** | **HUỲNH KHẮC NHU** |
|---|---|
| Giới tính: | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | 28/06/1960 |
| CCCD số: | 08406000875 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 17/04/2021 |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Quê quán: | Vĩnh Long |
| Địa chỉ thường trú: | Số 76, Đường Điện Biên Phủ, Phường Trà Vinh, Tỉnh Vĩnh Long |
| Điện thoại liên hệ: | 0913 439 169 |
| Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Trà Bắc: | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Không có |

c. Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

| **Họ và tên:** | **HỒ QUANG KHẢI** |
|---|---|
| Giới tính: | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | 06/11/1967 |
| CCCD số: | 084067004570 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021 |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Quê quán: | Trà Vinh |
| Địa chỉ thường trú: | 26-28/32, Nguyễn Trung Trực, Khóm Sa Bình, Phường Long Đức, Tỉnh Vĩnh Long |
| Điện thoại liên hệ: | 0918 439 169 |
| Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: | Kỹ sư Hóa |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Trà Bắc: | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Không có |

d. Thành viên Hội đồng quản trị

| Họ và tên: | HUỲNH TỨ QUÍ |
|---|---|
| Giới tính: | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | 21/04/1990 |
| CCCD số: | 084090016452 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 07/02/2022 |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Quê quán: | Trà Vinh |
| Địa chỉ thường trú: | Ấp Cây Da, Xã Tập Sơn, Tỉnh Vĩnh Long |
| Điện thoại liên hệ: | 0966 080 552 |
| Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: | Cử nhân Kế toán |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Trà Bắc: | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc Xí nghiệp Rạch Lợp |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Không có |

**6.2. Ban Kiểm soát**

a. Trưởng Ban Kiểm soát

| Họ và tên: | ĐẶNG ANH TUẤN |
|---|---|
| Giới tính: | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | 23/08/1974 |
| CCCD số: | 051074014149 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 30/08/2021 |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Quê quán: | Quảng Ngãi |
| Địa chỉ thường trú: | 62/1/57 Trương Công Định, Phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Điện thoại liên hệ: | 0917 977 878 |
| Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: | Cử nhân Kinh tế |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Trà Bắc: | Trưởng Ban Kiểm soát |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Sâm Vượng |

b. Thành viên Ban Kiểm soát

| Họ và tên: | NGUYỄN THANH HẢI |
|---|---|
| Giới tính: | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | 06/04/1968 |
| CCCD số: | 086068001214 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 15/11/2021 |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Quê quán: | Vĩnh Long |
| Địa chỉ thường trú: | 220/18, Đồng Khởi, Khóm 15, Phường Trà Vinh, Tỉnh Vĩnh Long |
| Điện thoại liên hệ: | 0918 023 942 |
| Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: | Giáo viên dạy nghề cơ khí; Cử nhân Quản trị kinh doanh |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Trà Bắc: | Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật Nghiên cứu phát triển |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Không |

c. Thành viên Ban Kiểm soát

| Họ và tên: | NGUYỄN PHONG DINH |
|---|---|
| Giới tính: | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | 20/06/1981 |
| CCCD số: | 084081011394 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 10/05/2021 |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Quê quán: | Vĩnh Long |
| Địa chỉ thường trú: | Khóm Kỳ La, Phường Hòa Thuận, Tỉnh Vĩnh Long |
| Điện thoại liên hệ: | 0918 703 955 |
| Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: | Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Quản trị kinh doanh |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Trà Bắc: | Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Thị trường |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Không có |

**6.3. Ban Tổng Giám đốc**

a. Tổng Giám đốc: Như điểm c khoản 7.1 Mục 7

b. Phó Tổng Giám đốc: Như điểm d khoản 7.1 Mục 7

**6.4. Kế toán trưởng**

| Họ và tên: | NGÔ KINH LUÂN |
|---|---|
| Giới tính: | Nam |
| Ngày tháng năm sinh: | 04/03/1966 |
| CCCD số: | 084066000642 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 31/03/2021 |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Quê quán: | Trà Vinh |
| Địa chỉ thường trú: | Khóm 2, Xã Châu Thành, Tỉnh Vĩnh Long |
| Điện thoại liên hệ: | 0918 265 544 |
| Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: | Đại học Tài chính Kế toán, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Trà Bắc: | Kế toán trưởng |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | Không |

## 7. Các sản phẩm của Công ty

### 7.1. Sản phẩm chủ yếu

Công ty hoạt động trong những lĩnh vực chính sau đây:

- Sản xuất và chế biến các sản phẩm từ trái dừa;
- Xuất khẩu các sản phẩm: Than hoạt tính, xơ dừa, thảm xơ dừa, cơm dừa sấy khô, mùn dừa và các sản phẩm khác;
- Nhập khẩu các thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến.

Quy mô sản xuất của các lĩnh vực như sau:

- Than hoạt tính: TRABACO là nhà sản xuất than hoạt tính từ than gáo dừa hàng đầu Việt Nam và Top 10 Thế giới, với công suất 5.000 - 6.000 tấn/năm, 80% sản lượng xuất khẩu tại thị trường chính như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh Quốc, Thụy Điển, Hoa Kỳ, Australia, Châu Phi,…
- Cơm dừa sấy khô: 3.500 - 4.500 tấn/năm, 95% sản lượng xuất khẩu tại các thị trường chính như Hà Lan, Pháp, Trung Đông, Argentina, Paraguay, Uruguay, Brazil, Ả Rập, …
- Thảm xơ dừa: 1 triệu - 1,5 triệu m2/năm, chiếm 80% thị phần trong nước, ngoài ra còn xuất khẩu sang Hàn Quốc, Singapore, Campuchia, …
- Xơ dừa: 3.000 - 4.000 tấn/năm, trong đó trên 95% sản phẩm được xuất khẩu tại các thị trường chính là Trung Quốc và Đài Loan, …
- Than Anthracite: 3.000 - 5.000 tấn/năm, thị trường chính là Nhật Bản, UAE (các Tiểu vương quốc Ả Rập), Đức (thông qua việc cung ứng xuất khẩu), …
- Than sạch BBQ và Shisha: 1.200 - 1.500 tấn/năm, TRABACO là nhà sản xuất số 1 Việt Nam về than BBQ phục vụ nấu nướng cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

**Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty**



Than hoạt tính



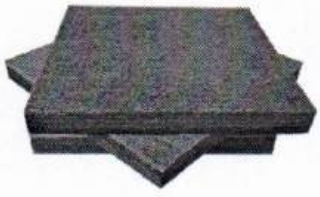
Than anthracite



Than BBQ



Xơ dừa



Thảm xơ dừa



Cơm dừa sấy khô



Hộp khử mùi



Nước cốt dừa cấp đông



Bột sữa dừa

*(Nguồn: TRABACO)*

**7.2. Năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty**

- ***Về mảng sản xuất – kinh doanh than hoạt tính:***

Hiện nay, TRABACO là một trong những doanh nghiệp sản xuất than hoạt tính từ gáo dừa hàng đầu tại Việt Nam và nằm trong Top 10 Thế giới với công suất 5.000 - 6.000 tấn/năm. Than hoạt tính được xem là một trong những sản phẩm chủ lực, duy trì được thị trường tiêu thụ tương đối ổn định và đóng góp vai trò quan trọng vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty qua các năm. Với nền tảng sản xuất, kinh nghiệm và hệ thống khách hàng đã được xây dựng trong nhiều năm, thương hiệu than hoạt tính TRABACO đã chính thức có mặt và được tiêu thụ tại các thị trường xuất khẩu lớn và tiềm năng như Nhật Bản, Trung Quốc, sau đó là thị trường EU, Hoa Kỳ, Nga, … và được kỳ vọng tiếp tục mang lại hiệu quả kinh doanh tích cực cho TRABACO trong thời gian tới.

Bên cạnh lợi thế về năng lực sản xuất và thị trường tiêu thụ, nhu cầu sử dụng than hoạt tính được kỳ vọng tiếp tục được hỗ trợ bởi xu hướng phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tại nhiều quốc gia. Than hoạt tính ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như xử lý nước, lọc và xử lý khí, sản xuất dược phẩm, thực phẩm và các ngành công nghiệp khác. Đồng thời, nhận thức ngày càng cao của người tiêu dùng về sức khỏe, chất lượng môi trường và các sản phẩm an toàn cũng góp phần thúc đẩy nhu cầu đối với các giải pháp xử lý và lọc hiệu quả.

Trên cơ sở đó, TRABACO có nhiều điều kiện thuận lợi để tiếp tục phát triển sản phẩm than hoạt tính, thông qua việc tận dụng nhu cầu gia tăng tại các thị trường hiện hữu, đồng

thời mở rộng mạng lưới khách hàng và từng bước thâm nhập các thị trường mới. Đây được kỳ vọng sẽ là một trong những động lực hỗ trợ tăng trưởng hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty trong trung và dài hạn.

- ***Về mảng sản xuất – kinh doanh các sản phẩm khác từ trái dừa:***

Bên cạnh sản phẩm than hoạt tính, TRABACO còn sở hữu danh mục đa dạng các sản phẩm chế biến từ dừa, trong đó thảm xơ dừa và than BBQ là những sản phẩm có uy tín trên thị trường. Đối với thảm xơ dừa, TRABACO là một trong những doanh nghiệp sản xuất quy mô lớn tại Việt Nam, với công suất khoảng 1,0 - 1,5 triệu m²/năm, chiếm trên 80% thị phần nội địa và đã xuất khẩu sang nhiều thị trường như Hàn Quốc, Singapore, Campuchia và các quốc gia khác. Bên cạnh đó, Công ty cũng có năng lực sản xuất than BBQ phục vụ nhu cầu nấu, nướng với công suất khoảng 1.200 - 1.500 tấn/năm.

Thương hiệu TRABACO cũng được công nhận và vinh danh tại các chương trình bình chọn và giải thưởng cấp quốc gia, khu vực. Năm 2019, các sản phẩm cơm dừa sấy khô, bộ sản phẩm than viên gáo dừa BBQ và than hoạt tính sọ dừa của Công ty được công nhận là Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia. Năm 2020, sản phẩm nước cốt dừa cấp đông đạt giải Nhất tại cuộc thi bình chọn "Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu Tỉnh Trà Vinh lần thứ V" và được đề xuất tham gia bình chọn Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực phía Nam.

Với hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến và sản xuất các sản phẩm từ dừa cùng lợi thế đặt cơ sở sản xuất tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long – vùng trồng dừa trọng điểm của Việt Nam, thương hiệu TRABACO đã có mặt tại các thị trường xuất khẩu lớn. Do đó, TRABACO có đầy đủ cơ hội, điều kiện để thực hiện mục tiêu đa dạng hóa các sản phẩm, từ đó góp phần đưa ngành công nghiệp chế biến dừa Việt Nam cạnh tranh với các nước có sản lượng dừa lớn như Indonesia, Philipines, Ấn Độ, Malaysia, Sri Lanka, Thái Lan, …

**Thống kê doanh thu theo sản phẩm của Công ty giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Stt | Chỉ tiêu | Doanh thu | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2026 |
| 1 | Than hoạt tính | 202.992 | 268.704 | 351.504 | 289.838 |
| 2 | Than hoạt tính đá | 1.466 | - | 962 | 2.040 |
| 3 | Than hoạt tính hình trụ | 33.287 | 37.310 | 78.194 | 49.234 |
| 4 | THT đá hỗn hợp | 7.896 | 5.315 | 4.535 | 2.992 |
| 5 | Than hoạt tính bột gỗ | - | - | 61 | - |
| 6 | Than hoạt tính dạng viên trụ | - | - | 1.319 | 2.037 |
| 7 | Cơm dừa sấy | 24.168 | 6.796 | - | - |
| 8 | Xác dừa sấy | 6.290 | - | 10.174 | 2.900 |

| Stt | Chỉ tiêu | Doanh thu | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | 6 tháng đầu năm 2026 |
| 9 | Nước cốt dừa cấp đông | 78.107 | 116.981 | 142.462 | 49.479 |
| 10 | Xơ dừa kiện | 304 | - | - | - |
| 11 | Than khử mùi tủ lạnh | 46 | 1 | 35 | - |
| 12 | Than BBQ | 14.099 | 11.433 | 18.380 | 12.388 |
| 13 | Than Anthracite | 25.998 | 15.405 | 23.524 | 6.120 |
| 14 | Thảm xơ dừa | 9.684 | 9.414 | 7.793 | 4.312 |
| 15 | Than nguyên liệu | 2.607 | 2.036 | 1.877 | - |
| 16 | Thuê mặt bằng | - | - | - | - |
| 17 | Gia công than hoạt tính | - | - | 1.104 | - |
| 18 | Gia công thảm xơ dừa | 8 | - | - | - |
| 19 | Xác dừa sấy gia công | 3.203 | 119 | 153 | - |
| 20 | Các sản phẩm phụ khác | 5.643 | 17.109 | 23.409 | 6.252 |
| | **Tổng cộng** | **415.797** | **490.624** | **665.486** | **427.594** |

*(Nguồn: TRABACO)*

## 8. Hoạt động sản xuất kinh doanh

### 8.1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

**Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026**

*ĐVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 | 6 tháng đầu năm 2026 |
|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **415.766** | **490.624** | **665.486** | **427.594** |
| Giá vốn hàng bán | 350.814 | 407.769 | 565.904 | 371.561 |
| **Lợi nhuận gộp** | **64.952** | **82.854** | **99.582** | **56.032** |
| Doanh thu tài chính | 2.360 | 4.358 | 3.998 | 1.290 |
| Chi phí tài chính | 5.736 | 4.651 | 4.008 | 3.756 |
| Chi phí bán hàng | 24.612 | 26.912 | 23.438 | 12.236 |
| Chi phí QLDN | 15.052 | 19.589 | 22.140 | 8.700 |
| Thu nhập khác | 341 | 5.023 | 67 | 0 |
| Chi phí khác | 542 | 75 | 24 | 2 |
| **Lợi nhuận trước thuế** | **21.712** | **41.009** | **54.036** | **32.628** |
| Thuế TNDN | 2.609 | 4.437 | 6.822 | 3.773 |
| Thuế TNDN hoãn lại | 500 | -244 | -329 | 0 |

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 | 6 tháng đầu năm 2026 |
|---|---|---|---|---|
| **Lợi nhuận sau thuế** | **18.603** | **36.816** | **47.544** | **28.855** |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025; BCTC 6 tháng đầu năm 2026 của TRABACO)*

❖ **Nhận xét:**

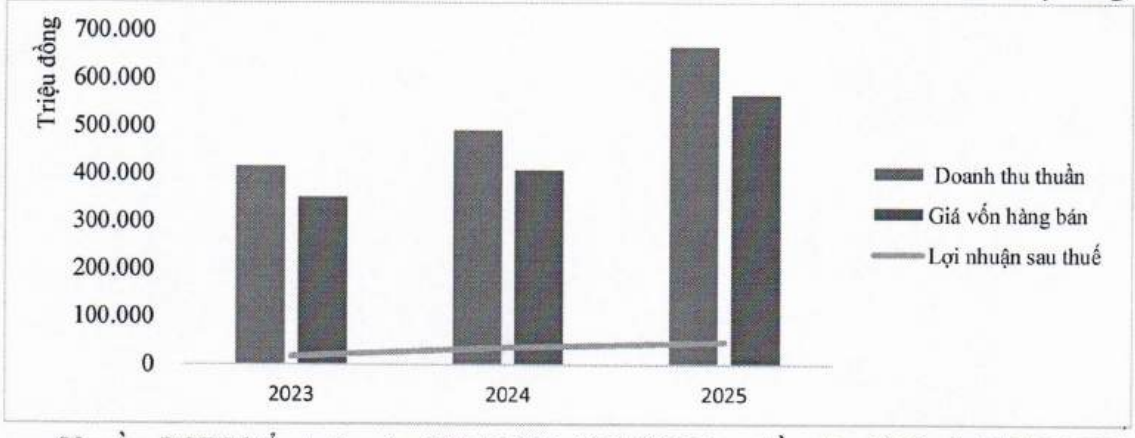
Doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2026 của TRABACO lần lượt đạt 427.594 triệu đồng và 32.628 triệu đồng, tương đương đạt 79,18% và 74,15% kế hoạch của cả năm 2026.

Cụ thể về tốc độ tăng trưởng trong kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

- Doanh thu thuần năm 2025 của Công ty đạt 665.486 triệu đồng, tăng 35,64% so với năm 2024. Doanh thu thuần trong giai đoạn 2023 – 2025 của Công ty duy trì xu hướng tăng trưởng với tốc độ trung bình là 26,82%.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 của Công ty đạt 54.036 triệu đồng, tăng 31,77% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế trong giai đoạn 2023 – 2025 của Công ty duy trì xu hướng tăng trưởng với tốc độ trung bình là 60,32%.

**Doanh thu/Giá vốn/LNST của TRABACO giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026**

*ĐVT: Tỷ đồng*




*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025; BCTC 6 tháng đầu năm 2026 của TRABACO)*

❖ **Nhận xét:**

Trong giai đoạn từ năm 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026, giá vốn hàng bán của TRABACO chiếm tỷ trọng từ 83% đến 86% doanh thu thuần của Công ty.

Trong khi đó, biên lợi nhuận ròng của TRABACO đạt khoảng 4% đến 7% và có sự tăng trưởng tương đối ổn định theo thời gian.

## 8.2. Khả năng sinh lời

**Khả năng sinh lời của TRABACO giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026**

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 | 6 tháng đầu năm 2026 |
|---|---|---|---|---|
| Tỷ suất lãi gộp/Doanh thu | 15,62% | 16,89% | 14,96% | 13,10% |
| Tỷ suất LNKD/Doanh thu | 5,27% | 7,35% | 8,11% | 7,63% |
| Tỷ suất LNST/Doanh thu | 4,47% | 7,50% | 7,14% | 6,75% |
| ROA | 7,93% | 15,03% | 15,95% | 7,71% |
| ROE | 14,45% | 25,81% | 28,43% | 15,22% |
| BVPS (đồng/cổ phiếu) | 17.556 | 18.849 | 19.965 | 18.402 |
| EPS (đồng/cổ phiếu) | 2.247 | 4.043 | 5.672 | 2.910 |
| Cổ tức (%/trên mệnh giá)) | 15% | 30% | 35% | 35% |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025; BCTC 6 tháng đầu năm 2026 của TRABACO)*

❖ **Nhận xét:**

Biên lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận ròng của TRABACO trong giai đoạn từ năm 2024 đến 6 tháng đầu năm 2026, có biến động tương đồng với nhau.

Các chỉ tiêu ROA và ROE của Công ty trong năm 2025 đều có sự tăng trưởng đáng kể, lần lượt đạt 15,95% và 28,43%. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) và lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) tại thời điểm 31/12/2025 của Công ty đạt lần lượt 19.965 đồng và 5.672 đồng/cổ phiếu, duy trì xu hướng tăng trưởng qua các năm.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, các chỉ tiêu ROA và ROE lần lượt đạt 7,71% và 15,22%. BVPS và EPS lần lượt đạt 18.402 đồng/cổ phiếu và 2.910 đồng/cổ phiếu.

Chính sách chi trả cổ tức của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định ở mức 35% mệnh giá.

### 8.3. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

**Tài sản của TRABACO giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026**

*ĐVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 | 30/06/2026 |
|---|---|---|---|---|
| **I. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn** | **197.360** | **185.325** | **266.678** | **309.671** |
| Tiền mặt và tương đương tiền mặt | 29.329 | 19.554 | 38.608 | 24.359 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 1.716 | 1.716 | 1.716 | 1.716 |
| Các khoản Phải thu ngắn hạn | 48.002 | 56.277 | 55.206 | 90.103 |
| Hàng tồn kho | 114.318 | 105.513 | 160.259 | 182.057 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 3.996 | 2.265 | 10.889 | 11.435 |
| **II. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn** | **47.432** | **59.651** | **84.608** | **88.029** |
| Các khoản phải thu dài hạn | - | - | - | - |
| Tài sản hữu hình | 29.539 | 49.368 | 71.702 | 75.444 |

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 | 30/06/2026 |
|---|---|---|---|---|
| Tài sản vô hình | 2.758 | 2.674 | 2.591 | 2.549 |
| Bất động sản đầu tư | - | - | - | - |
| Chi phí XDCB dở dang | 9.977 | 245 | 2.384 | 1.453 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | - | - | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 5.158 | 7.363 | 7.931 | 8.583 |
| **Tổng tài sản (I + II)** | **244.792** | **244.975** | **351.286** | **397.700** |
| Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản | 80,62% | 75,65% | 75,91% | 77,87% |
| Tỷ trọng Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản | 19,38% | 24,35% | 24,09% | 22,13% |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025; BCTC 6 tháng đầu năm 2026 của TRABACO)*

❖ **Nhận xét:**

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của TRABACO đạt 351.286 triệu đồng, tăng 43,40% so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu đến từ sự tăng trưởng đáng kể của khoản mục hàng tồn kho nhằm phục vụ cho kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tại thời điểm 30/06/2026, tổng tài sản của Công ty đạt 397.700 triệu đồng, tăng 13,21% so với thời điểm 31/12/2025, chủ yếu đến từ sự tăng trưởng đáng kể của khoản mục hàng tồn kho và phải thu ngắn hạn, cho thấy sự tăng trưởng trong quy mô hoạt động của TRABACO trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2026.

Về cơ cấu tổng tài sản, tài sản ngắn hạn của Công ty duy trì tỷ trọng cao, dao động trong khoảng từ 75% đến 80% giá trị tổng tài sản qua các năm.

**Nguồn vốn của TRABACO giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026**

*ĐVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 | 30/06/2026 |
|---|---|---|---|---|
| **I. Nợ phải trả** | **113.987** | **90.497** | **171.295** | **198.616** |
| **1. Nợ ngắn hạn** | **113.087** | **82.413** | **159.481** | **190.154** |
| Vay ngắn hạn | 57.195 | 18.978 | 66.646 | 110.654 |
| Phải trả cho người bán | 29.337 | 35.297 | 66.678 | 54.455 |
| Người mua trả tiền trước | 2.097 | 7.516 | 233 | 142 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 1.649 | 2.390 | 4.814 | 3.783 |
| Phải trả người lao động | 8.481 | 11.836 | 13.183 | 8.770 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 618 | 3.065 | 4.170 | 5.593 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 2.386 | 711 | 2.476 | 2.301 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 10.816 | 1.940 | - | - |

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 | 30/06/2026 |
|---|---|---|---|---|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 508 | 679 | 1.282 | 4.456 |
| **2. Nợ dài hạn** | **900** | **8.084** | **11.814** | **8.462** |
| **II. Vốn chủ sở hữu** | **130.805** | **154.479** | **179.990** | **199.084** |
| Vốn góp của CSH | 74.507 | 81.957 | 90.153 | 108.184 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 1.368 | 1.368 | 1.368 | 1.368 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 36.327 | 41.894 | 49.941 | 60.676 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 18.603 | 29.259 | 38.528 | 28.855 |
| **Tổng nguồn vốn (I + II)** | **244.792** | **244.975** | **351.286** | **397.700** |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025; BCTC 6 tháng đầu năm 2026 của TRABACO)*

❖ **Nhận xét:**

Tại thời điểm 31/12/2025, nợ phải trả của TRABACO đạt 171.295 triệu đồng, tăng 89,28% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, khoản vay ngắn hạn và phải trả người bán ngắn hạn của Công ty lần lượt đạt 66.646 triệu đồng và 66.678 triệu đồng, tương đương mức tăng trưởng 251,18% và 88,90% so với thời điểm 31/12/2024. Nguyên nhân chủ yếu đến từ nhu cầu bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty để phục vụ cho hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh.

Tại thời điểm 30/06/2026, nợ phải trả của Công ty đạt 198.616 triệu đồng, tăng 15,95% so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu đến từ sự tăng trưởng đáng kể của khoản mục vay ngắn hạn – đạt 110.654 triệu đồng, tăng 66,03% so với cùng kỳ, cho thấy nhu cầu huy động vốn ngắn hạn của TRABACO tiếp tục tăng lên.

Trong giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty duy trì tỷ trọng tương đương nhau qua các năm. Trong đó, nợ phải trả của Công ty được cấu thành chủ yếu từ nợ phải trả ngắn hạn, với tỷ trọng khoảng 91%-99%.

**Hệ số nợ của TRABACO giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026**

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 | 30/06/2026 |
|---|---|---|---|---|
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 46,56% | 36,94% | 48,76% | 49,94% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 87,14% | 58,58% | 95,17% | 99,77% |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025; BCTC 6 tháng đầu năm 2026 của TRABACO)*

❖ **Nhận xét:**

Mặc dù nợ phải trả của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2026 có sự tăng trưởng đáng kể khoảng 27.321 triệu đồng, tương đương 15,95% so với thời điểm 31/12/2025, nhưng hệ số Nợ/Tổng tài sản của Công ty trong giai đoạn này vẫn được duy trì ở mức dưới 50%.

### 8.4. Khả năng thanh toán

**Hệ số khả năng thanh toán của TRABACO giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026**

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 | 30/06/2026 |
|---|---|---|---|---|
| Hệ số thanh toán hiện hành | 1,75 | 2,25 | 1,67 | 1,63 |
| Hệ số thanh toán nhanh | 0,73 | 0,97 | 0,67 | 0,67 |
| Hệ số thanh khoản tiền mặt | 0,26 | 0,24 | 0,24 | 0,13 |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025; BCTC 6 tháng đầu năm 2026 của TRABACO)*

❖ **Nhận xét:**

Tại thời điểm 30/06/2026, hệ số thanh toán hiện hành và hệ số thanh toán nhanh của TRABACO lần lượt đạt mức 1,63 lần và 0,67 lần, tương đối ổn định so với thời điểm cuối năm 2025, nguyên nhân chủ yếu đến từ sự tăng trưởng đồng đều giữa khoản mục vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn.

Trong khi đó, hệ số thanh toán tiền mặt của Công ty tại ngày 30/06/2026 đạt mức 0,13 lần, có sự sụt giảm so với ngày 31/12/2025.

### 8.5. Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

**Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Doanh thu | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | | 6 tháng đầu năm 2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Doanh thu thành phẩm | 412.586 | 99,23% | 490.504 | 99,98% | 664.229 | 99,81% | 427.594 | 100% |
| Doanh thu gia công | 3.211 | 0,77% | 119 | 0,02% | 1.258 | 0,19% | - | - |
| **Tổng doanh thu** | **415.797** | **100%** | **490.624** | **100%** | **665.486** | **100%** | **427.594** | **100%** |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025; BCTC 6 tháng đầu năm 2026 của TRABACO)*

❖ **Nhận xét:**

Tổng doanh thu trong giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty vẫn duy trì cơ cấu ổn định theo thời gian, tập trung chủ yếu vào doanh thu thành phẩm với tỷ trọng chiếm khoảng 99%.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty chưa phát sinh doanh thu đến từ hoạt động gia công.

### 8.6. Cơ cấu chi phí

**Cơ cấu chi phí của TRABACO giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 | 6 tháng đầu năm 2026 |
|---|---|---|---|---|
| Chi phí tài chính | 5.736 | 4.651 | 4.008 | 3.756 |
| Chi phí bán hàng | 24.612 | 26.912 | 23.438 | 12.236 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 15.052 | 19.589 | 22.140 | 8.700 |

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 | 6 tháng đầu năm 2026 |
|---|---|---|---|---|
| Chi phí khác | 542 | 75 | 24 | 2 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 2.609 | 4.437 | 6.822 | 3.773 |
| **Tổng chi phí** | **48.550** | **55.663** | **56.432** | **28.467** |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025; BCTC 6 tháng đầu năm 2026 của TRABACO)*

**Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của TRABACO giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 | 6 tháng đầu năm 2026 |
|---|---|---|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 301.644 | 323.491 | 529.676 | 352.655 |
| Chi phí nhân công | 29.210 | 40.112 | 42.907 | 16.852 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 9.399 | 9.419 | 11.364 | 6.030 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.748 | 11.673 | 10.215 | 4.346 |
| Chi phí khác | 40.311 | 25.144 | 23.535 | 2.142 |
| **Tổng cộng** | **385.312** | **409.838** | **617.697** | **382.025** |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025; BCTC 6 tháng đầu năm 2026 của TRABACO)*

## 8.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian trích khấu hao được ước tính như sau:

**Khấu hao tài sản cố định**

| Loại tài sản cố định | Số năm |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 30 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 10 |
| Phương tiện vận tải | 03 – 07 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 10 |

**Giá trị TSCĐ chủ yếu tại 31/12/2025 của TRABACO**

*ĐVT: Triệu đồng*

| Stt | Khoản mục | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Tài sản cố định hữu hình** | **215.061** | **143.359** | **71.702** |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 73.687 | 59.649 | 14.038 |
| 2 | Máy móc, thiết bị | 131.142 | 75.757 | 55.386 |
| 3 | Phương tiện vận tải | 10.089 | 7.840 | 2.249 |
| 4 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 143 | 113 | 30 |
| **II** | **Tài sản cố định vô hình** | **4.069** | **1.478** | **2.591** |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 4.009 | 1.418 | 2.591 |
| 2 | Tài sản vô hình khác | 60 | 60 | - |
| **Tổng cộng** | | **219.130** | **144.837** | **74.293** |

*(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 của TRABACO)*

### 8.8. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được TRABACO thực hiện tốt, thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

### 8.9. Các khoản phải nộp theo luật định

**Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty giai đoạn 2023-2025 và 6 tháng đầu năm 2026**

*ĐVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 30/06/2026 |
|---|---|---|---|---|
| **Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước** | **1.643,19** | **2.112,55** | **4.228,16** | **3.697,67** |
| Thuế GTGT | 19,43 | -7,57 | 0 | 0 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.608,95 | 2.385,63 | 4.813,80 | 3.851,12 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 20,89 | -263,88 | -579,56 | -147,37 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | -6,08 | -6,08 | -6,08 | -6,08 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 0 | 4,45 | 0 | 0 |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025; BCTC 6 tháng đầu năm 2026 của TRABACO)*

### 8.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện và ký kết

**Danh sách các hợp đồng đang thực hiện của TRABACO**

| Stt | Đối tác hợp đồng | Số hiệu hợp đồng | Giá trị hợp đồng |
|---|---|---|---|
| **I** | **Hợp đồng xuất khẩu** | | |
| 1 | Carbon Direct Corp - USA | Số 380060-1060 | 1.140.480 USD |
| 2 | Desotec - Belgium | PO Số BE02PO 00000 264 & 1034 & 1041 & 1045 | 559.680 USD |
| 3 | Calgon Carbon - China | PO Số 430036 1950 & 2015 | 395.120 USD |
| 4 | Jacobi Carbons – Sri Lanka | PO Số 4500512 204 & 205 & 20 | 580.800 USD |
| 5 | Meiwa Corp - Japan | Số 02/TB-MW/2026 | 543.400 USD |
| 6 | Haikou Julong - China | Số 03/TBC-HK | 445.500 USD |
| 7 | Fulfill Co., Ltd - Japan | Số 03/TBC-FF | 139.480 USD |
| 8 | Tangin – Japan | Số 6C09 | 65.780 USD |
| 9 | Shanghai Tanyin – Hong Kong | Số 6C003 | 43.200 USD |
| **II** | **Hợp đồng bán nội địa** | | |
| 1 | Công ty TNHH Gold Carbon | Po Trabaco-GC012 | 37.426.752.000 đồng |
| 2 | Công ty TNHH Gold Carbon | Po Trabaco-GC013 | 43.594.848.000 đồng |
| 3 | Công ty TNHH Công Nghệ Môi Trường An Thy | Po 232 | 17.023.608.000 đồng |
| 4 | Công ty TNHH Công Nghệ Môi Trường An Thy | Po 238 | 19.145.754.000 đồng |

*(Nguồn: TRABACO)*

### 8.11. Hiện trạng sử dụng đất

Trong các năm qua, TRABACO đã sử dụng đất đúng mục đích, khai thác hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai theo quy định. Công tác quản lý, sử dụng đất của Công ty được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai và các yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại thời điểm 30/06/2026, TRABACO đang quản lý và sử dụng 16 lô đất với tổng diện tích 116.503,7 m², chủ yếu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thông tin chi tiết về hiện trạng, mục đích sử dụng và các đặc điểm liên quan của từng lô đất được trình bày như sau:

## Danh sách các lô đất của TRABACO

| Stt | Số hiệu thửa đất | Số hiệu tờ bản đồ | Địa chỉ thửa đất | Thông tin sử dụng đất theo quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền | | | | | | | Thông tin sử dụng đất theo hiện trạng đang sử dụng | | Thời điểm cổ phần hoá | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Quyết định giao đất, cho thuê đất | Địa chỉ mới | Diện tích đất ($m^2$) | Loại đất | Tên công trình, dự án | Số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | Ngày, tháng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | Diện tích đất ($m^2$) | Mục đích sử dụng | | |
| | | | | | | **116.503,7** | | | | | **116.503,7** | | | |
| ***Đất giao tại XN Phú Vinh*** | | | | | | ***3.608,6*** | | | | | ***3.608,6*** | | | |
| 1 | 51 | 35 | Khóm 5, Thị trấn Càng Long, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh | | Ấp Thái Bình, Xã Càng Long, tỉnh Vĩnh Long | 1.099,6 | Đất cơ sở sản xuất kinh doanh | Kho tiền chế, bãi tập kết xơ dừa | AI 829133 | 10/08/2007 | 1.099,6 | Kho tiền chế, bãi tập kết xơ dừa | Thuê đất trả tiền hàng năm | Chuyển sang giao đất có thu tiền sử dụng đất từ 11/2007 |
| 2 | 50 | 35 | | | | 2.509,0 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Kho chứa xơ dừa thô | CE 910024 | 13/01/2017 | 2.509,0 | Kho chứa xơ dừa thô | Thuê đất trả tiền hàng năm | |
| ***Đất thuê tại XN Phú Vinh*** | | | | | | ***8.994,7*** | | | | | ***8.994,7*** | | | |
| 1 | 112 | 20 | Khóm 6, Thị trấn Càng Long, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh | Quyết định số 1860/QĐ-UB ngày 30/11/2006 (7.844,2$m^2$) và Quyết định số 1856/QĐ-UB ngày 30/11/2006 (1.150,5$m^2$) | Ấp Mỹ Huê, xã Càng Long, tỉnh Vĩnh Long | 8.994,7 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Văn phòng Xí nghiệp Phú Vinh, xưởng sản xuất thảm xơ dừa | CE 910023 | 13/01/2017 | 8.994,7 | Văn phòng Xí nghiệp Phú Vinh, xưởng sản xuất thảm xơ dừa | Đất chuyển qua từ DNNN | Thuê đất trả tiền hàng năm |
| ***Đất mua và giao tại XN Rạch Lợp*** | | | | | | ***22.676,5*** | | | | | ***22.676,5*** | | | |
| 1 | 2 | 9 | Ấp Chợ, Xã Tân Hùng, Huyện Tiểu Cần, Tỉnh Trà Vinh (gồm đất giao 15920 m2 và đất mua 5214.5 m2) | Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 11/04/2005 (3.090m2); Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày | Ấp Chợ, xã Hùng Hoà, tỉnh Vĩnh Long | 15.920 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Văn phòng Xí nghiệp Rạch Lợp, xưởng sản xuất xơ dừa, xưởng sản | CE 910026 | 13/01/2017 | 15.920 | Văn phòng Xí nghiệp Rạch Lợp, Xưởng sản xuất xơ dừa, xưởng sản | Đất chuyển qua từ DNNN | |

| Stt | Số hiệu thửa đất | Số hiệu tờ bản đồ | Địa chỉ thửa đất | Thông tin sử dụng đất theo quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền | | | | | | | Thông tin sử dụng đất theo hiện trạng đang sử dụng | | Thời điểm cổ phần hoá | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Quyết định giao đất, cho thuê đất | Địa chỉ mới | Diện tích đất (m²) | Loại đất | Tên công trình, dự án | Số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | Ngày, tháng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | Diện tích đất (m²) | Mục đích sử dụng | | |
| | | | | 05/12/2005 (9.250 m2); Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 23/11/2006 (3.580 m2) | | | | xuất cơm dừa sấy khô, xưởng sản xuất mùn dừa | | | | xuất cơm dừa sấy, xưởng sản xuất nước cốt dừa, xưởng sản xuất mùn dừa | | |
| | | | | | | 5.214,5 | | | | | 5.214,5 | | | |
| 2 | 1 | 9 | Ấp Chợ, Xã Tân Hùng, Huyện Tiểu Cần, Tỉnh Trà Vinh | | | 1.542 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | | BV 380885 | 06/10/2015 | 1.542 | | Mua sau cổ phần hoá | |
| ***Đất mua tại VP Công ty*** | | | | | | ***7.736,6*** | | | | | ***7.736,6*** | | | |
| 1 | 87 | 7 | Ấp Long Bình, Phường 4, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh | Quyết định số 504/QĐ-UBT ngày 11/04/2005 | Khóm Long Bình, phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long | 2.037,7 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Kho chứa than nguyên liệu, hàng rào cây xanh, sân phơi | CĐ 660659 | 02/11/2016 | 2.037,7 | Kho chứa than nguyên liệu, hàng rào cây xanh, sân phơi | Đất chuyển qua từ DNNN | |
| 2 | 13 | 8 | | | | 3.542,6 | Đất cơ sở sản xuất kinh doanh | | AL 798098 | 02/12/2008 | 3.542,6 | | Đất chuyển qua từ DNNN | |
| 3 | 216 | 6 | Số 126, Bạch Đằng, Phường 4, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh | | | 2.156,3 | Đất cơ sở sản xuất kinh doanh | | AL 798099 | 04/12/2008 | 2.156,3 | | Đất chuyển qua từ DNNN | |
| ***Đất thuê tại VP Công ty*** | | | | | | ***37.323,9*** | | | | | ***37.323,9*** | | | |
| 1 | 93 | 7 | Ấp Long Bình, Phường 4, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh | Quyết định số 2676/QĐ-UB ngày 29/12/2004 (14.080 m2) và Quyết định số | Khóm Long Bình, phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long | 27.059,5 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Hệ thống kho, xưởng, hệ thống lò | CĐ 660661 | 02/11/2016 | 27.059,5 | Hệ thống kho, xưởng, hệ thống lò | Đất chuyển qua từ DNNN | Thuê đất trả tiền hàng năm |

| Stt | Số hiệu thửa đất | Số hiệu tờ bản đồ | Địa chỉ thửa đất | Thông tin sử dụng đất theo quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền | | | | | | | Thông tin sử dụng đất theo hiện trạng đang sử dụng | | Thời điểm cổ phần hoá | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Quyết định giao đất, cho thuê đất | Địa chỉ mới | Diện tích đất ($m^2$) | Loại đất | Tên công trình, dự án | Số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | Ngày, tháng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | Diện tích đất ($m^2$) | Mục đích sử dụng | | |
| | | | | 23/QĐ-UB ngày 10/01/2005 (12.979,6m2) | | | | hoạt hóa số 2,3,4 | | | | hoạt hóa số 2,3,4 | | |
| 2 | 51 | 7 | Phường 4, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh | Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 17/08/2016 | | 5.549,9 | | Hệ thống kho, xưởng, hệ thống lò hoạt hóa số 1 | CĐ 660660 | 02/11/2016 | 5.549,9 | Hệ thống kho, xưởng, hệ thống lò hoạt hóa số 1 | Đất chuyển qua từ DNNN | |
| 3 | 199 | 7 | Ấp Long Bình, Phường 4, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh | Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 31/08/2023 | | 4.714,5 | | Bãi chứa than | ĐL 120967 | 23/10/2023 | 4.714,5 | Bãi chứa than | Đất thuê của Nhà nước từ ngày 31/08/2023 sau CPH | |
| ***Đất thuê tại XN Long Đức*** | | | | | | ***20.852,1*** | | | | | ***20.852,1*** | | | |
| 1 | 152 | 21 | Ấp Vĩnh Hưng, Xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh | Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 11/01/2010 và Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 22/02/2018; Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 | Khóm Vĩnh Hưng, phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long | 14.935,8 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Văn phòng Xí nghiệp Long Đức, hệ thống kho, xưởng sản xuất các sản phẩm từ than hoạt tính | CK 088358 | 07/12/2017 | 14.935,8 | Văn phòng Xí nghiệp Long Đức, hệ thống kho, xưởng sản xuất các sản phẩm từ than hoạt tính | Đất thuê của Nhà nước sau CPH | Chuyển sang hình thức thuê đất trả tiền một lần từ ngày 04/05/2021 |
| 2 | 151 | 21 | | | | 5.916,3 | | | CK 088359 | 07/12/2017 | 5.916,3 | | | |
| ***Đất thuê tại XN Đức Mỹ*** | | | | | | ***15.311,3*** | | | | | ***15.311,3*** | | | |
| 1 | 131 | 15 | | | | 7.027,4 | | Nhà làm việc Xí | DB 220086 | 05/11/2021 | 7.027,4 | Nhà làm việc Xí | Đất thuê của Nhà | Chuyển sang hình |

| Stt | Số hiệu thửa đất | Số hiệu tờ bản đồ | Địa chỉ thửa đất | Thông tin sử dụng đất theo quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền | | | | | | | Thông tin sử dụng đất theo hiện trạng đang sử dụng | | Thời điểm cổ phần hoá | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Quyết định giao đất, cho thuê đất | Địa chỉ mới | Diện tích đất ($m^2$) | Loại đất | Tên công trình, dự án | Số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | Ngày, tháng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | Diện tích đất ($m^2$) | Mục đích sử dụng | | |
| | | | | | | | | nghiệp Đức Mỹ, nhà kho thành phẩm, nhà kho chứa tơ nguyên liệu | | | | nghiệp Đức Mỹ, nhà kho thành phẩm, nhà kho chứa tơ nguyên liệu | nước sau CPH (năm 2007) | thức thuê đất trả tiền một lần từ ngày 11/05/2021 |
| 2 | 132 | 15 | Ấp Mỹ Hiệp, Xã Đức Mỹ, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh | Quyết định số 4114/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 | Ấp Mỹ Hiệp, xã Nhị Long, tỉnh Vĩnh Long | 6.780,7 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | Kho chứa tơ xơ dừa và xưởng sấy, sân phơi tơ xơ dừa | DB 220088 | 05/11/2021 | 6.780,7 | Kho chứa tơ xơ dừa và xưởng sấy, sân phơi tơ xơ dừa | | |
| 3 | 140 | 15 | | Quyết định số 4115/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 | | 1.503,2 | | Đường lộ nội bộ | DB 220089 | 05/11/2021 | 1.503,2 | Đường lộ nội bộ | Đất thuê của Nhà nước sau CPH (năm 2009) | |

*(Nguồn: TRABACO)*

**8.12. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền, tiêu chuẩn chất lượng**

- Nhãn hiệu thương mại:

*Logo:*

- Đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền, tiêu chuẩn chất lượng: Không có

**9. Kế hoạch cổ tức và lợi nhuận năm tiếp theo**

**9.1. Kế hoạch cổ tức và lợi nhuận năm 2026**

**Số liệu kế hoạch năm 2026**

*ĐVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 2025 | 2026 | |
|---|---|---|---|
| | Thực hiện | Kế hoạch | % Tăng/ giảm so với năm 2025 |
| Tổng doanh thu | 665.486 | 540.000 | -18,86% |
| Lợi nhuận trước thuế | 54.036 | 44.000 | -18,57% |
| Tỷ lệ chia cổ tức/Mệnh giá | 35% | 20% | -15% |

*(Nguồn: TRABACO)*

**9.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

- **Các căn cứ để đạt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026**
  - TRABACO có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm từ dừa. Công ty đã có nền tảng về năng lực sản xuất, là cơ sở để duy trì hoạt động kinh doanh và thực hiện kế hoạch năm 2026.
  - Về sản phẩm, than hoạt tính từ gáo dừa là một trong những sản phẩm cốt lõi của TRABACO, được tiêu thụ tại nhiều quốc gia như Nhật Bản, Trung Quốc, EU, Hoa Kỳ, Nga và các thị trường khác. Bên cạnh than hoạt tính, TRABACO có danh mục sản phẩm đa dạng gồm thảm xơ dừa, than BBQ, cơm dừa sấy khô, mùn dừa và các sản phẩm chế biến từ dừa khác.
  - Về thị trường tiêu thụ, với nhiều năm kinh nghiệm, TRABACO đã xây dựng mạng lưới khách hàng và thị trường tiêu thụ tại hơn 30 quốc gia. Kinh nghiệm xuất khẩu và sự hiện diện tại các thị trường quốc tế giúp Công ty có cơ sở duy trì doanh thu tại các thị trường truyền thống, đồng thời tiếp tục tìm kiếm và mở rộng sang các thị trường mới có tiềm năng. Bên cạnh đó, xu hướng bảo vệ môi trường và sử dụng hiệu quả các nguồn nguyên liệu nông nghiệp đang ngày càng được quan tâm.
- **Căn cứ Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh**

**doanh năm 2026 của TRABACO, các giải pháp thực hiện để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:**

- **Nguyên liệu**
  - ✓ Chủ động điều chỉnh chính sách thu mua phù hợp với diễn biến cung - cầu nguyên liệu trên thị trường, đồng thời xây dựng chính sách thu mua phù hợp nhằm duy trì hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp có năng lực và uy tín trên thị trường. Công ty đặt mục tiêu duy trì lượng tồn kho than gáo dừa tối thiểu 3.000 tấn, nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định và sự an toàn của Nhà máy Than hoạt tính.
  - ✓ Sản lượng cơm dừa trắng tại khu vực Trà Vinh (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long) đang có xu hướng gia tăng, kéo theo nguồn cung gáo dừa tăng lên. Do đó, Công ty đang có định hướng tập trung vào hoạt động hỗ trợ đầu tư và phát triển đốt than gáo dừa tại địa phương nhằm tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu sẵn có, ước tính nguồn cung từ khu vực Trà Vinh đáp ứng khoảng 20% nhu cầu nguyên liệu cho Nhà máy Than hoạt tính.
  - ✓ Tiếp tục mở rộng và khai thác hiệu quả mạng lưới nhà cung cấp cơm dừa trắng phục vụ cho hoạt động sản xuất nước cốt dừa cấp đông. TRABACO định hướng tăng cường hợp tác với các hợp tác xã địa phương và các nhà cung cấp có năng lực thu gom, chặt gọt với sản lượng lớn để hình thành các đầu mối cung ứng ổn định. Đồng thời, tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực chặt gọt cơm dừa trắng tại Rạch Lợp, qua đó chủ động nguồn nguyên liệu trong các giai đoạn thị trường khó khăn hoặc nguồn cung biến động.
  - ✓ Song song với việc phát triển nguồn nguyên liệu tại địa phương, Công ty tiếp tục duy trì thu mua cơm dừa trắng từ các nhà cung cấp khác tại Bến Tre (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long). Việc duy trì nhiều nguồn cung giúp TRABACO củng cố tính chủ động trong công tác thu mua, hạn chế rủi ro phụ thuộc vào một khu vực hoặc một nhóm nhà cung cấp.
- **Sản xuất**

➢ Nhà máy Liên Hợp

  - ✓ Tập trung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực của đội ngũ quản lý cấp trung và tăng cường ý thức trách nhiệm cũng như trình độ chuyên môn của đội ngũ công nhân. Công ty định hướng hoàn thiện bộ máy quản lý và điều hành Nhà máy theo hướng ổn định, hiệu quả, đồng thời thường xuyên rà soát, luân chuyển và bố trí lại nhân sự theo năng lực, kinh nghiệm của từng cá nhân nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.
  - ✓ Đầu tư và nâng cấp các thiết bị gồm sàng Rotex, sàng tròn, hệ thống làm sạch bột và máy nghiền Ấn Độ nhằm hoàn thiện hệ thống gia công than hoạt tính phục vụ lĩnh vực lọc vàng, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.
  - ✓ Nâng cao khả năng tái sinh than hoạt tính đã qua sử dụng thông qua hợp tác đầu tư với Serachem. Sản phẩm sau tái sinh dự kiến đạt chất lượng Iodine khoảng

1.000 mg/g sẽ được cung cấp cho các khách hàng hiện hữu và được dung để phát triển thêm các dòng sản phẩm mới.

- ✓ Tiếp tục làm việc với NDK theo giới thiệu của Meiwa để nghiên cứu khả năng hợp tác sản xuất than nung anthracite phục vụ ngành công nghiệp nhôm. Định hướng hợp tác ba bên giữa Meiwa, NDK và TRABACO nhằm đầu tư hệ thống lò nung sử dụng thiết bị Trung Quốc và công nghệ Nhật Bản, qua đó mở rộng danh mục sản phẩm và tạo ra dư địa tăng trưởng cho Nhà máy Liên Hợp.

➢ Xí nghiệp Rạch Lợp

- ✓ Tiếp tục hợp tác nghiên cứu với Bitrimex về khả năng sản xuất nước dừa cấp đông với mục tiêu là tận dụng nguồn nguyên liệu dừa hiện có, mở rộng danh mục sản phẩm chế biến để phát triển thêm nguồn doanh thu và tang cường hiệu quả kinh doanh.
- ✓ Tăng cường kiểm soát chất lượng cơm dừa trắng nhập vào sản xuất theo tiêu chuẩn hiện hành, đồng thời nâng cao nhận thức và trách nhiệm về vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường cho đội ngũ lãnh đạo, công nhân trực tiếp sản xuất và các nhà cung cấp. Mục tiêu là đảm bảo tính ổn định của chất lượng nguyên liệu và sản phẩm đầu ra cũng như uy tín của TRABACO trên thị trường.

➢ Xí nghiệp Phú Vinh

- ✓ Nhằm cập nhật xu hướng tiêu dùng, nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của sản phẩm, TRABACO đã xây dựng kế hoạch khảo sát thị trường trong nước và quốc tế, tập trung tìm hiểu nhu cầu khách hàng và các thiết bị sản xuất thảm xơ dừa dệt kim thế hệ mới, đặc biệt là tại châu Âu nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các thị trường có tiêu chuẩn cao.
- ✓ Từng bước cơ giới hóa công đoạn đóng gói sản phẩm sau cùng thay cho các công đoạn thủ công hiện tại nhằm nâng cao năng suất đóng gói, rút ngắn thời gian hoàn thiện đơn hàng, giảm chi phí nhân công và tăng khả năng đáp ứng tiến độ giao hàng.

- **Tiêu thụ**
  - ✓ Tập trung lựa chọn và phát triển nhóm khách hàng có quy mô lớn, tiềm năng, ưu tiên các sản phẩm có cỡ hạt chủ lực gồm 3x6, 4x8, 6x12 và 8x30; đồng thời tiếp tục mở rộng thị trường than hoạt tính phục vụ lĩnh vực lọc vàng.
  - ✓ Tăng cường phối hợp với Meiwa trong công tác tìm kiếm và phát triển khách hàng tiêu thụ than hoạt tính và than anthracite. Việc Meiwa đánh giá cao chất lượng than đá Hòn Gai của Việt Nam so với nguồn than từ Trung Quốc là cơ sở thuận lợi để TRABACO khai thác thêm cơ hội tại thị trường Nhật Bản. Trong thời gian tới, Công ty có thể tận dụng mạng lưới và năng lực tiếp cận thị trường của đối tác để mở rộng tệp khách hàng, gia tăng sản lượng xuất khẩu và phát triển thêm thị trường cho các sản phẩm chủ lực. Bên cạnh đó, TRABACO cũng định hương hợp tác lâu dài với các công ty Nhật Bản khác như Choiri Osaka, MC và Kobayashi nhằm tìm kiếm khả năng gia tăng sản lượng tiêu thụ than hoạt tính và than anthracite.

- ✓ Đối với than BBQ, Công ty áp dụng chính sách giá ưu đãi đối với các nhà phân phối có sản lượng tăng trưởng lũy tiến. Công ty đặt mục tiêu duy trì sản lượng tiêu thụ khoảng 200 - 250 tấn/tháng.
- ✓ Tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác tiềm năng có khả năng hợp tác lâu dài trong tiêu thụ sản phẩm nước cốt dừa tại thị trường Trung Quốc và Thái Lan.
- ✓ Chủ động tìm kiếm và tiếp cận các khách hàng mới tại thị trường châu Âu, đồng thời nghiên cứu nhu cầu và yêu cầu sản phẩm của từng thị trường nhằm đa dạng hóa hệ thống khách hàng và gia tăng sản lượng tiêu thụ thảm xơ dừa, đặc biệt tại các thị trường có yêu cầu cao về chất lượng và sản phẩm thân thiện với môi trường.

## 10. Phân tích SWOT

**Phân tích SWOT**

| Điểm mạnh | Điểm yếu |
|---|---|
| - Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tâm huyết, trách nhiệm và có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty hoạt động với định hướng phát triển ổn định và bền vững, lấy hiệu quả hoạt động và lợi ích của Công ty, cổ đông làm trọng tâm.<br>- Đội ngũ kỹ thuật và công nhân có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm thực tiễn trong sản xuất. Tập thể người lao động có tinh thần trách nhiệm, cần cù, và chủ động học hỏi, góp phần duy trì hoạt động sản xuất ổn định và từng bước nâng cao năng lực làm chủ công nghệ.<br>- TRABACO có cơ sở sản xuất tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long – vùng nguyên liệu dừa trọng điểm của Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi trong việc thu mua gáo dừa, cơm dừa và các nguyên liệu phục vụ sản xuất than hoạt tính cũng như các sản phẩm chế biến từ dừa.<br>- Với kinh nghiệm 30 năm hoạt động, TRABACO đã xây dựng được thương hiệu và vị thế nhất định trong lĩnh vực chế biến các sản phẩm từ dừa. Công ty có năng lực sản xuất than hoạt tính từ gáo dừa khoảng 5.000 - 6.000 tấn/năm, thuộc nhóm doanh | - Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất tại Xí nghiệp Đức Mỹ đã có dấu hiệu xuống cấp, có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của dây chuyền sản xuất và sự đồng đều trong chất lượng sản phẩm của TRABACO.<br>- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc đáng kể vào sản lượng và giá nguyên liệu đầu vào thu mua từ bên ngoài, đặc biệt là nguồn nguyên liệu dừa và gáo dừa. Trong khi đó, vùng nguyên liệu Đồng bằng sông Cửu Long hiện đang chịu ảnh hưởng bởi tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn, có thể dẫn đến rủi ro thiếu hụt nguồn cung và biến động chi phí nguyên liệu.<br>- Một số sản phẩm truyền thống như xơ dừa, cơm dừa sấy khô đang đối mặt với áp lực cạnh tranh và biến động trong nhu cầu thị trường. Đồng thời, các sản phẩm sử dụng chung nguồn nguyên liệu cơm dừa như nước cốt dừa cấp đông, sữa dừa đóng lon, bột sữa dừa, ... ngày càng phát triển, làm gia tăng sự cạnh tranh trong việc thu mua và phân bổ nguồn nguyên liệu trong khu vực.<br>- Quy mô sản xuất ngày càng mở rộng và danh mục sản phẩm ngày càng đa dạng trong khi một bộ phận cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có nhiều năm kinh nghiệm |

| Điểm mạnh | Điểm yếu |
|---|---|
| nghiệp sản xuất than hoạt tính quy mô lớn tại Việt Nam và có mạng lưới xuất khẩu tại hơn 30 quốc gia, vùng lãnh thổ như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Anh, Pháp, Thụy Điển, Singapore, Chile, ...<br>- Than hoạt tính là sản phẩm chủ lực và có giá trị cốt lõi của TRABACO. Bên cạnh đó, Công ty còn phát triển nhiều sản phẩm từ dừa như than anthracite, than BBQ, nước cốt dừa cấp đông, thảm xơ dừa, ... Việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm giúp TRABACO tận dụng tốt hơn nguồn nguyên liệu, giảm sự phụ thuộc vào một sản phẩm và tạo dư địa phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. | đang dần đến tuổi nghỉ hưu. Điều này đặt ra yêu cầu đối với Công ty trong việc đào tạo, tuyển dụng và xây dựng đội ngũ kế thừa nhằm đảm bảo tính liên tục trong công tác quản lý, điều hành và kỹ thuật sản xuất.<br>- Một số máy móc, thiết bị và công nghệ sản xuất hiện tại đã được đầu tư trong thời gian dài và có mức độ lạc hậu nhất định so với công nghệ hiện đại trên thế giới. Điều này có thể làm hạn chế hiệu quả sử dụng của thiết bị và khả năng tối ưu hóa chi phí của TRABACO, tác động trực tiếp đến năng lực cạnh tranh của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành. |
| **Cơ hội** | **Thách thức** |
| - Than hoạt tính được ứng dụng rộng trong xử lý nước, lọc khí, xử lý chất thải, công nghiệp thực phẩm, dược phẩm và các lĩnh vực bảo vệ môi trường. Cùng với xu hướng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và phát triển sản xuất theo hướng bền vững, nhu cầu đối với than hoạt tính và các sản phẩm có nguồn gốc từ dừa được kỳ vọng tiếp tục gia tăng. Đây là điều kiện thuận lợi để TRABACO mở rộng sản lượng tiêu thụ, phát triển sản phẩm và gia tăng doanh thu. Việc tận dụng gáo dừa, xơ dừa, mùn dừa và các phụ phẩm khác để sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng là phù hợp với xu hướng kinh tế hiện tại.<br>- Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP, RCEP và các FTA khác, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong nước tiếp cận các thị trường quốc tế. Với kinh nghiệm xuất khẩu và mạng lưới khách hàng tại hơn 30 quốc gia, TRABACO có cơ sở để tận dụng các ưu đãi thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ và tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài. | - Hoạt động sản xuất của TRABACO phụ thuộc đáng kể vào nguồn nguyên liệu dừa và các phụ phẩm từ dừa. Tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn, diễn biến thời tiết bất thường và các tác động của biến đổi khí hậu tại Đồng bằng sông Cửu Long có thể ảnh hưởng đến sản lượng, chất lượng và giá nguyên liệu đầu vào của TRABACO, từ đó gây áp lực lên chi phí sản xuất và biên lợi nhuận của Công ty.<br>- Thị trường sản phẩm từ dừa và than hoạt tính có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Sự gia tăng số lượng đối thủ, cùng với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, giá thành, tiêu chuẩn môi trường và khả năng giao hàng, có thể tạo áp lực lên thị phần và khả năng duy trì khách hàng của TRABACO.<br>- Nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty, do đó biến động về giá dừa, gáo dừa và các nguyên liệu liên quan có thể tác động trực tiếp đến giá vốn và hiệu quả kinh doanh.<br>- Các thị trường xuất khẩu, đặc biệt là những thị trường phát triển, ngày càng |

| Điểm mạnh | Điểm yếu |
|---|---|
| - Nguồn nguyên liệu dừa tại Đồng bằng sông Cửu Long tạo điều kiện để TRABACO tiếp tục nghiên cứu và phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như than hoạt tính chuyên dụng, than BBQ, nước cốt dừa cấp đông, than anthracite và các sản phẩm chế biến sâu khác. Việc chuyển dịch sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao có thể góp phần cải thiện hiệu quả sử dụng nguyên liệu và nâng cao biên lợi nhuận của Công ty. | nâng cao yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường và truy xuất nguồn gốc. Trong khi đó, một số máy móc, thiết bị của TRABACO đã được đầu tư trong thời gian dài. Việc chậm đổi mới công nghệ có thể hạn chế năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của Công ty, đồng thời tạo áp lực về nhu cầu vốn đầu tư trong thời gian tới.<br>- Việc mở rộng quy mô sản xuất và phát triển thêm các sản phẩm mới đòi hỏi Công ty phải có đội ngũ nhân sự quản lý và kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyên môn. Trong bối cảnh một bộ phận nhân sự giàu kinh nghiệm dần đến tuổi nghỉ hưu, TRABACO cần chú trọng xây dựng đội ngũ kế thừa, đào tạo nhân sự và thu hút nguồn nhân lực có chuyên môn phù hợp để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định. |

*(Nguồn: TRABACO)*

## 11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

### 11.1. Vị thế của doanh nghiệp trong ngành

- *Vị thế chung:*

Sau hơn 30 năm xây dựng và phát triển, TRABACO từng bước mở rộng quy mô kinh doanh và nâng cao năng lực sản xuất. Trong quá trình hoạt động, Công ty chú trọng đầu tư, nâng cấp máy móc và thiết bị sản xuất nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm và hiệu quả vận hành, qua đó góp phần củng cố hệ thống tiêu thụ trong nước thông qua các kênh siêu thị, đại lý và khách hàng trực tiếp, đồng thời từng bước nâng cao mức độ nhận diện và độ tin cậy của thương hiệu TRABACO đối với người tiêu dùng.

Bên cạnh thị trường trong nước, TRABACO đã đưa các sản phẩm chế biến từ dừa Việt Nam tiếp cận và phát triển tại nhiều thị trường quốc tế. Hoạt động xuất khẩu không chỉ tạo nguồn thu ngoại tệ mà còn góp phần nâng cao giá trị của sản phẩm dừa Việt Nam, hỗ trợ thu nhập cho người trồng dừa và tạo việc làm cho hơn 2.000 lao động tại địa phương.

- *Về mảng sản xuất - kinh doanh than hoạt tính:*

Than hoạt tính từ gáo dừa là sản phẩm chủ lực và đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của TRABACO. Công suất sản xuất của TRABACO đạt khoảng 5.000 - 6.000 tấn/năm, thuộc Top 10 doanh nghiệp sản xuất than hoạt tính từ gáo dừa có quy mô lớn tại Việt Nam và có vị thế trên thị trường quốc tế. Sản phẩm của Công ty đã được xuất khẩu đến hơn 30 quốc gia, bao gồm Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Anh, Pháp, Thụy Điển, Singapore, Chile và một số thị trường khác.

Với thị trường tiêu thụ được hình thành qua nhiều năm, than hoạt tính tiếp tục là một trong những sản phẩm có đóng góp quan trọng vào doanh thu và lợi nhuận của TRABACO với mạng lưới xuất khẩu được trải dài từ Nhật Bản, Trung Quốc đến EU, Hoa Kỳ, Nga, ... Việc duy trì thị trường hiện hữu, đồng thời tiếp tục phát triển các dòng than hoạt tính chuyên dụng và mở rộng sang các thị trường mới là cơ sở để Công ty duy trì vai trò của sản phẩm này trong cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh thời gian tới.

- *Về mảng sản xuất - kinh doanh các sản phẩm khác từ trái dừa:*

Bên cạnh than hoạt tính, TRABACO có danh mục đa dạng các sản phẩm chế biến từ dừa. Trong đó, Công ty là một trong những doanh nghiệp có quy mô sản xuất thảm xơ dừa lớn tại Việt Nam, với công suất khoảng 1,0 - 1,5 triệu m²/năm, chiếm trên 80% thị phần nội địa và có sản phẩm xuất khẩu sang các thị trường như Hàn Quốc, Singapore, Campuchia và một số quốc gia khác. Công ty cũng có năng lực sản xuất than BBQ phục vụ nhu cầu nấu, nướng với công suất khoảng 1.200 - 1.500 tấn/năm.

Danh mục sản phẩm của TRABACO đã được ghi nhận thông qua các chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Năm 2019, các sản phẩm cơm dừa sấy khô, bộ sản phẩm than viên gáo dừa BBQ và than hoạt tính sọ dừa của Công ty được công nhận là Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia. Năm 2020, sản phẩm nước cốt dừa cấp đông đạt giải Nhất tại cuộc thi bình chọn "Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu Tỉnh Trà Vinh lần thứ V" và được đề xuất tham gia bình chọn Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực phía Nam.

**11.2. Triển vọng của Công ty**

- *Về mảng sản xuất - kinh doanh than hoạt tính:*

Triển vọng tiêu dùng của mảng than hoạt tính được hỗ trợ bởi xu hướng gia tăng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm và phát triển sản xuất theo hướng bền vững tại nhiều quốc gia trên thế giới. Than hoạt tính được ứng dụng rộng rãi trong xử lý nước, lọc và xử lý khí, công nghiệp thực phẩm, dược phẩm và nhiều lĩnh vực công nghiệp khác. Đồng thời, nhận thức của doanh nghiệp và người tiêu dùng về sức khỏe, chất lượng môi trường và việc sử dụng các sản phẩm an toàn ngày càng được nâng cao, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho nhu cầu sử dụng than hoạt tính tiếp tục tăng cao trong thời gian tới.

Với nền tảng hơn 30 năm kinh nghiệm, năng lực sản xuất khoảng 5.000 - 6.000 tấn/năm và hệ thống thị trường xuất khẩu tại hơn 30 quốc gia, TRABACO có cơ sở để tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm than hoạt tính. Bên cạnh việc củng cố các thị trường truyền thống, Công ty định hướng mở rộng thị trường sang các quốc gia có tiềm năng tăng trưởng như Nam Phi, Ấn Độ và một số thị trường khác, đồng thời tiếp tục khai thác các phân khúc sản phẩm có yêu cầu kỹ thuật và giá trị gia tăng cao.

Việc mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa khách hàng và phát triển các dòng sản phẩm than hoạt tính chuyên dụng được kỳ vọng sẽ giúp TRABACO nâng cao khả năng khai thác công suất, gia tăng sản lượng tiêu thụ và củng cố vị thế trong lĩnh vực than hoạt tính từ gáo dừa.

- *Về mảng sản xuất - kinh doanh các sản phẩm khác từ trái dừa:*

Đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ dừa là một trong những định hướng giúp

TRABACO tận dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu và giảm sự phụ thuộc vào một nhóm sản phẩm. Trong đó, thảm xơ dừa là sản phẩm có nhiều ứng dụng trong nông nghiệp, cảnh quan, công nghiệp và đời sống như phủ đất, hỗ trợ phục hồi thảm thực vật, bảo vệ cây trồng, làm thảm trải và một số ứng dụng chuyên dụng khác. Với nguồn nguyên liệu tương đối thuận lợi và khả năng ứng dụng đa dạng, sản phẩm thảm xơ dừa tiếp tục có dư địa để duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Bên cạnh thảm xơ dừa, TRABACO có định hướng tiếp tục phát triển các sản phẩm chế biến từ dừa như than BBQ, cơm dừa sấy khô, nước cốt dừa cấp đông, mùn dừa và các sản phẩm có giá trị gia tăng khác. Việc đẩy mạnh chế biến sâu giúp Công ty tận dụng tốt hơn nguồn nguyên liệu dừa, đồng thời tạo thêm các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của từng phân khúc khách hàng.

Ngoài lợi thế về kinh nghiệm sản xuất và nguồn nguyên liệu tại Đồng bằng sông Cửu Long, việc Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP, RCEP và các hiệp định khác tạo thêm điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp trong nước tiếp cận các thị trường quốc tế. Trên cơ sở mạng lưới khách hàng tại hơn 30 quốc gia, TRABACO có cơ hội tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa khách hàng và gia tăng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm từ dừa.

Trong dài hạn, sự kết hợp giữa lợi thế về nguồn nguyên liệu, kinh nghiệm sản xuất, hệ thống thị trường hiện hữu và định hướng phát triển các sản phẩm chế biến sâu sẽ là nền tảng để TRABACO nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, mở rộng thị trường quốc tế và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh với các quốc gia có ngành công nghiệp chế Chính sách đối với người lao động

## 12. Chính sách đối với người lao động

### 12.1. Cơ cấu lao động tại ngày 30/06/2026

Tổng số lao động của Công ty tại 30/06/2026 là **198** người, trong đó:

**Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 30/06/2026**

| Chỉ tiêu phân loại | | Số lao động (Người) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| Theo trình độ | Tiến sĩ | 1 | 0,51% |
| | Cao học | 3 | 1,52% |
| | Đại học và Cao đẳng | 57 | 28,79% |
| | Trung cấp | 10 | 5,05% |
| | Lao động phổ thông dưới trung cấp | 127 | 64,14% |
| **Tổng cộng** | | **198** | **100%** |

*(Nguồn: TRABACO)*

### 12.2. Chính sách đối với người lao động

Căn cứ Thỏa ước lao động tập thể, chính sách đối với người lao động được quy định như sau:

- ***Chế độ tiền lương***: Hình thức trả lương chủ yếu của Công ty là lương thời gian, lương khoán sản phẩm và được thanh toán một lần chậm nhất vào ngày 10 (dương lịch) của tháng sau. Trừ trường hợp bất khả kháng có thể trễ hơn.

- Tất cả người lao động mới tuyển dụng vào làm việc tại Công ty đều phải trải qua thời gian thử việc và được trả lương công nhật theo quy định của Công ty (trừ trường hợp đặc biệt).
- Nếu có nhu cầu làm thêm giờ thì người lao động được trả lương làm thêm giờ theo Điều 98 Bộ luật Lao động năm 2019 hoặc trả lương theo thỏa thuận phù hợp giữa người sử dụng lao động và người lao động và sắp xếp cho nghỉ bù, nếu không sắp xếp cho nghỉ bù được thì trả lương theo thỏa thuận.
- Trong trường hợp tăng ca đột xuất do tiến độ công việc thì người lao động được bồi dưỡng thêm 01 suất tiền ăn là 30.000 đồng/người.
- Lương tháng 13 vào dịp Tết Nguyên Đán: Hàng năm Công ty sẽ thưởng lương tháng 13 cho người lao động làm việc đủ 12 tháng với mức thưởng ít nhất 01 tháng lương theo Hợp đồng lao động (tùy theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty). Người lao động làm việc chưa đủ 12 tháng sẽ tính tỷ lệ tương ứng theo số tháng thực tế làm việc (mức tối thiểu không thấp hơn 03 tháng). Người sử dụng lao động xây dựng kế hoạch quỹ lương trong đó có lương tháng 13.
- Chế độ nâng lương: Hằng năm, căn cứ vào tình hình lạm phát, giá cả nhân công trên thị trường lao động, chất lượng công việc của từng cá nhân, kết quả kinh doanh của Công ty, Công ty có thể xem xét điều chỉnh lương cho người lao động làm việc tại Công ty từ đủ 01 năm trở lên phù hợp với mặt bằng lương chung thị trường và đặc thù của Công ty. Ngoài ra, Công ty sẽ xem xét tăng lương đột xuất cho người lao động nào hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có cải tiến quy trình kỹ thuật, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp, vượt chỉ tiêu về doanh thu, ...

- ***Chế độ tiền thưởng:*** Người sử dụng lao động có trách nhiệm xây dựng Quy chế thưởng quy định cụ thể về tiêu chuẩn, đối tượng xét thưởng cho người lao động.

- Thưởng sáng kiến: Có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hoặc đề tài nghiên cứu đã nghiệm thu, tiết kiệm nguyên, nhiên, vật liệu, ngày công lao động, đào tạo tay nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất, … mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty. Trích từ 5 – 20% trên giá trị làm lợi thu được từ các sáng kiến, Công ty sẽ thưởng vào cuối mỗi năm nhưng không quá 50 triệu đồng.
- Thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, thưởng từ quỹ lương Ban lãnh đạo được quy định như sau:
  - Quỹ khen thưởng Ban lãnh đạo được trích 20% từ quỹ khen thưởng.
  - Ban chấp hành Công đoàn tham mưu giám sát việc khen thưởng này.
  - Tổng Giám đốc được thưởng tối đa 10.000.000 đồng/1 trường hợp.
  - Phó Tổng Giám đốc được thưởng tối đa 5.000.000 đồng/1 trường hợp.

- ***Chế độ phụ cấp:***

- Đối với tiền ăn ca đêm, phụ cấp cho người lao động từ 30.000 đồng - 60.000 đồng
- (Áp dụng cho Nhà máy Than hoạt tính và Phòng hóa nghiệm.)
- Đối với bộ phận trực ca đêm tiền lương cao hơn ca ngày từ 05 - 10% mức lương tháng.
- Trừ trường hợp đi ca ổn định và thực hiện chế độ khoán sản phẩm đã được tính vào đơn giá tiền lương.

- ***Chế độ nâng lương:*** Ngoài quy định nâng lương định kỳ hàng năm (xét nâng lương 01 lần/năm). Công ty sẽ xét nâng lương trước thời hạn 01 năm cho người lao động trong trường hợp sau:

- Bổ sung chứng chỉ các lớp đào tạo nghề, bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học phù hợp với công việc đang phụ trách.
- Có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tiết kiệm nguyên, nhiên liệu hiệu quả mang lại từ 500.000.000 đồng trở lên (giá trị làm lợi hiệu quả kinh tế) do phòng Tổ chức hành chính tập hợp, báo cáo hội đồng lương trình lãnh đạo xem xét phê duyệt.
- Hiệu quả công việc và thành tích.

- ***Chế độ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, làm thêm giờ, nghỉ giữa ca:***

- Thời giờ làm việc: Làm việc theo thời gian chính thức là 8 giờ/ngày, 44 giờ/tuần, từ thứ 2 đến chiều thứ 7. Thời giờ làm việc theo quy định của Công ty cụ thể như sau:
  - Bộ phận văn phòng và công nhân sản xuất làm việc theo giờ hành chính:
    - ✓ Buổi sáng: Từ 07 giờ đến 11 giờ
    - ✓ Buổi chiều: Từ 13 giờ đến 17 giờ
  - Bộ phận sản xuất:
    - ✓ Ca sáng: Từ 6 giờ đến 14 giờ
    - ✓ Ca chiều: Từ 14 giờ đến 22 giờ
    - ✓ Ca đêm: Từ 22 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau
- Thời giờ nghỉ ngơi: Ngoài những ngày người lao động được nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương theo quy định tại Điều 115 Bộ luật Lao động năm 2019, người lao động còn được nghỉ thêm trong những trường hợp sau:
  - Người lao động kết hôn: Được nghỉ 01 ngày; con kết hôn: Được nghỉ 01 ngày
  - Anh, chị em ruột mất: Được nghỉ 01 ngày

    (Người lao động được nghỉ thêm 01 ngày không lương nhưng phải thông báo cho người sử dụng lao động biết)
  - Người lao động là dân tộc Khmer: Được nghỉ Tết dân tộc theo văn bản quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh Trà Vinh
  - Người lao động là người đạo công giáo: Được nghỉ 01 ngày (24/12)

    (Người lao động được nghỉ thêm 01 ngày không lương nhưng phải thông báo cho người sử dụng lao động biết)
  - Nghỉ hằng năm: Theo quy định tại Điều 113 Bộ luật Lao động năm 2019

➢ Nghỉ giữa ca: Theo quy định tại Điều 109 Bộ luật Lao động năm 2019

- ***Chế độ an toàn vệ sinh lao động:***

- Người sử dụng lao động có trách nhiệm tập huấn công tác an toàn vệ sinh lao động, thực hiện đầy đủ việc cấp phát phương tiện bảo hộ lao động và hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Ngoài khám sức khỏe định kỳ, người sử dụng lao động tổ chức khám bệnh nghề nghiệp đối với người lao động trực tiếp sản xuất.
- Người lao động phải chấp hành các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, giữ gìn, bảo quản các phương tiện bảo hộ đã được cấp phát.
- Người lao động làm việc ở môi trường nặng nhọc, độc hại sẽ được hưởng các chế độ tiền lương, chế độ phụ cấp, bồi dưỡng theo qui định của luật an toàn vệ sinh lao động.
- Người lao động có trách nhiệm chấp hành đúng các nội dung quy định trong Hợp đồng lao động, nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể; thực hiện đúng quy trình sản xuất, quy trình về an toàn, vệ sinh lao động trong Công ty. Có tinh thần trách nhiệm trong công việc thực hiện kế hoạch sản xuất, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, đảm bảo tiến độ công việc.

- ***Chế độ phúc lợi:***

- Người sử dụng lao động hỗ trợ 100% phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động.
- Trích quỹ phúc lợi cho người lao động vay không lãi suất để xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở, mua sắm phương tiện đi lại, làm kinh tế gia đình với số tiền 5.000.000 đồng/suất.
- Hằng năm, người sử dụng lao động thưởng cho người lao động vào các ngày lễ lớn như sau:
  - ➢ Tết Dương lịch: 500.000 – 1.500.000 đồng
  - ➢ Lễ 30/4 - 01/5, 02/9: 300.000 – 1.000.000 đồng
- Hàng năm, người sử dụng lao động tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ mát tại các khu du lịch trong hoặc ngoài nước, chi phí được hạch toán vào chi phí giá thành.
- Hàng năm, vào dịp Tết Nguyên Đán hoặc Tết cổ truyền của người dân tộc Khmer, người sử dụng lao động thăm hỏi, động viên, tặng quà cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, người lao động ốm đau bệnh tật, với mỗi phần quà trị giá từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Đối với gia đình người lao động có hoàn cảnh khó khăn, khi có ốm đau được trợ cấp khó khăn với mức từ 1.000.000 – 5.000.000 đồng/suất.
- Hàng năm, Công ty hỗ trợ kinh phí xây dựng từ 01 đến 02 căn nhà "Mái ấm công nhân" cho người lao động (Có thời gian công tác liên tục tại Công ty từ 05 năm trở lên; đạt thành tích lao động tiên tiến, lao động xuất sắc 03 năm liền; đã có đất để xây dựng nhà; hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn hoặc do thiên tai, hỏa hoạn; tích cực tham gia các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao do đoàn thể phát động; giữ gìn an toàn lao động, vệ sinh môi trường; được Ban chấp hành Công đoàn cơ sở xem xét trình Đảng ủy và Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định), với số tiền từ 30.000.000 đến 50.000.000 đồng/căn, đồng thời hỗ trợ thêm 5.000.000 đồng cho những người lao động được Liên đoàn Lao động Tỉnh Trà Vinh quyết định hỗ trợ xây dựng nhà "Mái ấm Công đoàn".

### 12.3. Mức lương bình quân qua các năm

**Mức lương bình quân qua các năm**

| Stt | Nội dung | ĐVT | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | 30/06/2026 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Số lao động bình quân trong năm | Người | 189 | 187 | 206 | 201 |
| 2 | Tổng quỹ lương | Triệu đồng | 13.496 | 18.983 | 29.943 | 16.959 |
| 3 | Lương bình quân | Đồng/người/tháng | 6.511.238 | 8.459.287 | 12.122.809 | 12.053.171 |

*(Nguồn: TRABACO)*

### 13. Chính sách cổ tức:

- ***Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do ĐHĐCĐ quyết định, theo đó:***

  Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

  Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp của mình vào Công ty.

  Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT, căn cứ trên hiệu quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.

- ***Tình hình chi trả cổ tức của Công ty qua các năm như sau:***

- Năm 2026: kế hoạch cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ.
- Năm 2025: cổ tức 35% trên vốn điều lệ (20% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu).
- Năm 2024: cổ tức 30% trên vốn điều lệ (20% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu).
- Năm 2023: cổ tức 15% trên vốn điều lệ (5% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu).
- Năm 2022: cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 16 % trên vốn điều lệ.
- Năm 2021: cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 12% trên vốn điều lệ.
- Năm 2020: cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 12% trên vốn điều lệ.
- Năm 2019: cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 12% trên vốn điều lệ.

### 14. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

### 15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

### 16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty

Không có.

## VII. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

### 1. Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được chào bán

| | | | |
|---|---|---|---|
| **1.1** | **Cổ phần chào bán** | : | Cổ phần Công ty Cổ phần Trà Bắc |
| **1.2** | **Loại cổ phần** | : | Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng |
| **1.3** | **Mệnh giá cổ phần** | : | 10.000 đồng |
| **1.4** | **Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng** | : | 4.941.314 cổ phần (chiếm tỷ lệ 45,68% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ). |
| **1.5** | **Phương thức chuyển nhượng vốn** | : | Bán đấu giá cả lô cổ phần (01 lô), theo đó nhà đầu tư phải đăng ký đặt mua toàn bộ số cổ phần chào bán (4.941.314 cổ phần), đấu giá thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. |
| **1.6** | **Số lô cổ phần chào bán** | : | 01 lô |
| **1.7** | **Số lượng cổ phần của 01 lô** | : | 4.941.314 cổ phần |
| **1.8** | **Giá khởi điểm bán đấu giá** | : | 327.610.000.000 đồng/lô cổ phần *(bằng chữ: Ba trăm hai mươi bảy tỷ sáu trăm mười triệu đồng một lô cổ phần)* |
| **1.9** | **Bước giá** | : | 1.000.000 đồng/lô cổ phần |
| **1.10** | **Cơ sở tính giá khởi điểm** | : | Căn cứ Tiết c1, c2 Điểm c Khoản 1 Điều 79 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP quy định về Chuyển nhượng vốn Nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:<br>*" c) Việc xác định giá khởi điểm khi đấu giá chuyển nhượng vốn Nhà nước:*<br>*c1) Cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân thuộc các đơn vị trực thuộc cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc người đại diện phần vốn Nhà nước được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền, giao nhiệm vụ bằng văn bản lựa chọn ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá.*<br>*c2) Tổ chức có chức năng thẩm định giá được lựa chọn các phương pháp định giá thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá khởi điểm;* |

*chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định giá. Khi xác định giá khởi điểm phải xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của Nhà nước đầu tư bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm) theo quy định của pháp luật. Việc xác định giá trị tài sản vô hình vào giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn thực hiện theo quy định của pháp luật về thẩm định giá".*

Căn cứ Nghị quyết số 314/NQ-ĐTKDV. HĐQT ngày 29/09/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về phương thức bán cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Trà Bắc;

Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-ĐTKDV ngày 02/10/2026 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Trà Bắc.

| | | | |
|---|---|---|---|
| **1.11** | **Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần** | : | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| **1.12** | **Giá đặt mua hợp lệ** | : | Quy định cụ thể tại Quy chế đấu giá |
| **1.13** | **Thời gian và địa điểm đăng ký đấu giá và nộp tiền đặt cọc** | : | Quy định cụ thể tại Quy chế đấu giá |
| **1.14** | **Thời gian và địa điểm nộp Phiếu tham dự đấu giá** | : | Quy định cụ thể tại Quy chế đấu giá |
| **1.15** | **Thời gian tổ chức đấu giá** | : | Quy định cụ thể tại Quy chế đấu giá |
| **1.16** | **Địa điểm tổ chức đấu giá** | : | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh<br>Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh |
| **1.17** | **Thời gian thanh toán tiền mua cổ phiếu trúng đấu giá và hoàn trả tiền cọc** | : | Quy định cụ thể tại Quy chế đấu giá |
| **1.18** | **Thời gian chuyển quyền sở hữu** | : | Quy định cụ thể tại Quy chế đấu giá |

**1.19 Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài :**

Theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 79 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP: *"Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, phần vốn góp của nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu vốn thực góp trong vốn điều lệ của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phù hợp với từng lĩnh vực pháp luật chuyên ngành quy định hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên."*

Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện nay của TRABACO không quy định cụ thể tỷ lệ nắm giữ cổ phần của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.

Căn cứ Mục A Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP, TRABACO có 01 ngành, nghề kinh doanh nằm trong danh mục Ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, cụ thể là:

| Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh của TRABACO | Tham chiếu quy định tại Mục A Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP | Điều kiện hạn chế tiếp cận thị trường đối với TRABACO |
|---|---|---|---|
| 4620 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>*Chi tiết: Thu mua và chế biến nông sản* | (A.15) Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối | 0% |

*Ghi chú: Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối được quy định cụ thể tại Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2014, trong đó Phụ lục số 03 về danh mục hàng hóa không được thực hiện quyền phân phối liệt kê các nông sản là lúa gạo, đường mía, đường củ cải.*

Căn cứ Mục B Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP, TRABACO có 01 ngành, nghề kinh doanh nằm trong danh mục Ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài, cụ thể là:

| Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh của TRABACO | Tham chiếu quy định tại Mục B Phụ lục I Nghị định số 96/2026/NĐ-CP | Điều kiện hạn chế tiếp cận thị trường đối với TRABACO |
|---|---|---|---|
| 3011 | Đóng tàu và cấu kiện nổi<br>*Chi tiết: Xuất nhập* | (B.40) Đóng mới, sửa chữa tàu biển | 50%<br>(EVFTA)<br>70% |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | *khẩu vật tư, máy móc, thiết bị tàu thủy. Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ khí và đóng tàu. Sửa chữa, đóng mới tàu thủy, xà lan* | | (AFAS) |

***Theo đó, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại TRABACO là 0%.***

***Như vậy, nhà đầu tư nước ngoài không được tham gia đấu giá toàn bộ lô cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Trà Bắc trong đợt chào bán này.***

**1.20 Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn** : Toàn bộ số cổ phần của TRABACO do SCIC sở hữu được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành.

**1.21 Các loại thuế có liên quan** : TRABACO thực hiện kê khai và nộp thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Thuế liên quan tới tổ chức có cổ phần được chuyển nhượng:**

- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là 20%. Nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, phải trả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, phải trả phải nộp khác được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

- **Thuế Giá trị gia tăng**

Thuế GTGT các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp là 8% và 10%.

- **Thuế đối với hoạt động giao dịch chứng khoán:**

- **Đối với cá nhân**

Nhà đầu tư cá nhân chịu thuế theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 ngày 10/12/2025 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2026), cụ thể như sau:

➢ Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ phần, cụ thể được quy định tại Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân): 5%

➢ Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác, cụ thể được quy định tại Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân) được xác định như sau:

✓ Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân cư trú:

Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá bán trừ giá

mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Mức thuế suất áp dụng là 20%.

Đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập chịu thuế được xác định là giá chuyển nhượng từng lần. Mức thuế suất áp dụng là 0,1%.

- ✓ Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú:

Được xác định bằng tổng số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được từ việc chuyển nhượng phần vốn tại tổ chức, cá nhân Việt Nam nhân với thuế suất 5%, không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.

- ➢ Kỳ tính thuế:
  - ✓ Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú: theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn, trừ thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.
  - ✓ Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được: theo thời điểm cá nhân tại Việt Nam trả thu nhập cho cá nhân không cư trú hoặc thời điểm cá nhân không cư trú nhận được thu nhập.

- **Đối với tổ chức**

Nhà đầu tư tổ chức chịu thuế theo quy định hiện hành của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025.

**Mức thuế đối với tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam**: Nhà đầu tư phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu. Cụ thể:

***Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất***

Trong đó:

| *Thu nhập chịu thuế = Giá bán chứng khoán - Giá mua của chứng khoán chuyển nhượng - Các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng* |
|---|

- ➢ *Giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng;*
- ➢ *Giá mua của chứng khoán chuyển nhượng:*
  - ✓ *Đối với chứng khoán mua thông qua đấu giá thì giá mua chứng khoán là mức giá ghi trên thông báo kết quả trúng đấu giá cổ phần của tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần và giấy nộp tiền;*
  - ✓ *Đối với chứng khoán không thuộc các trường hợp nêu trên: giá mua chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng.*
- ➢ *Chi phí chuyển nhượng là các khoản chi thực tế liên quan trực tiếp đến việc chuyển nhượng, có chứng từ, hóa đơn hợp pháp.*

| *Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư* |
|---|

Trong trường hợp là doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế thì thu nhập chịu thuế được xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025, được hướng dẫn bởi Điều 6 Nghị định 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/12/2025.

**2. Địa điểm công bố thông tin**

❖ **Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3821 7713 Fax: (028) 3821 7452
- Website: www.hsx.vn

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 19006446 Fax: (028) 6291 0607
- Website: www.fpts.com.vn

❖ **Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH**

- Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (024) 6278 0191 Fax: (024) 6278 0136
- Website: www.scic.vn

❖ **Công ty Cổ phần Trà Bắc**

- Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- Điện thoại: (029) 4385 2561 Fax: (029) 4385 4857
- Website: www.trabaco.com.vn

**3. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan**

**3.1 Đối tượng tham gia đấu giá**

Là tổ chức và cá nhân trong nước hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền đầu tư mua cổ phần của các doanh nghiệp tại Việt Nam, cụ thể như sau:

❖ **Nhà đầu tư trong nước**: Là cá nhân người Việt Nam, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; nếu người đại diện pháp nhân thì phải có văn bản ủy quyền; nếu là cá nhân phải có căn cước công dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.

❖ **Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư**: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong nước đăng ký mua.

Mỗi nhà đầu tư được phát 01 Phiếu tham dự đấu giá và chỉ được ghi 01 mức giá đặt mua vào Phiếu tham dự đấu giá.

**3.2 Điều kiện tham gia đấu giá**

- Có Đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp đúng thời hạn quy định.

- Đặt cọc đủ giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do Ban tổ chức đấu giá công bố cùng thời điểm nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá.
- Tuân thủ các quy định của Quy chế đấu giá.

**4. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá**

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào đơn đăng ký tham gia đấu giá và nộp tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình:

❖ **Đối với cá nhân trong nước:**

- Căn cước công dân (CCCD) hoặc hộ chiếu, trường hợp nhận uỷ quyền, phải có Giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc mẫu đính kèm Quy chế bán đấu giá.
- Giấy nộp tiền hoặc Giấy chuyển tiền đặt cọc.

❖ **Đối với tổ chức trong nước:**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương.
- Giấy uỷ quyền cho đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức.
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

**5. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá**

❖ **Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ**

- Phiếu do Đại lý đấu giá cấp, có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu và đảm bảo: Điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát; giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá quy định; tổng số cổ phần đặt mua bằng mức đăng ký.
- Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.
- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được coi là có giá trị.

❖ **Bỏ Phiếu tham dự đấu giá kín theo đúng thời hạn quy định**

**6. Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần**

Ngay sau khi có kết quả đấu giá, kết quả đấu giá sẽ được thông báo tại các địa điểm công bố thông tin và trên cổng thông tin điện tử **www.hsx.vn, www.fpts.com.vn** và **www.scic.vn** để các nhà đầu tư được biết, làm cơ sở để các bên phối hợp, triển khai các thủ tục chuyển nhượng liên quan tới Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng và Tổ chức có vốn Nhà nước chuyển nhượng.

## VIII. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Mục đích của việc chuyển nhượng vốn cổ phần nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà không cần giữ cổ phần. Việc chuyển nhượng chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

## IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

### 1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn Nhà nước chuyển nhượng

**Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH**

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 6278 0191 Fax: (024) 6278 0136

### 2. Tổ chức có vốn Nhà nước chuyển nhượng

**Công ty Cổ phần Trà Bắc**

Địa chỉ: 216 Bạch Đằng, phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Điện thoại: (029) 4385 2561 Fax: (029) 4385 4857

### 3. Tổ chức thẩm định giá

**Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam**

Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3783 2121

### 4. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt**

Địa chỉ: Số 33 Phan Văn Khoẻ, Phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3859 4168 Fax: (028) 3859 2285

### 5. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 và 2025

**Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ**

Địa chỉ: A1-28 Đường 06, Khu dân cư Công An, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Hưng Phú, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Điện thoại: (029) 2382 7888 Fax: (029) 2382 3209

### 6. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 19006446 Fax: (028) 6291 0607

### 7. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

**Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 7713 Fax: (028) 3821 7452

## X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

Các thông tin tại Bản Công bố thông tin này do Công ty Cổ phần Trà Bắc. Công ty Cổ phần Trà Bắc tự chịu trách nhiệm các thông tin công bố.

Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, Báo cáo tài chính năm 2024 và 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

Bản công bố thông tin chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên tìm hiểu thông tin doanh nghiệp trước khi tham gia đấu giá và đảm bảo rằng việc đăng ký mua và thực hiện giao dịch đúng quy định của pháp luật hiện hành. Các nhà đầu tư tham dự đấu giá có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

## XI. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này được FPTS soạn thảo và công bố phản ánh trung thực tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Trà Bắc dựa trên các tài liệu và thông tin do Công ty Cổ phần Trà Bắc và SCIC cung cấp. Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo.

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và Chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp, … cũng như bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

FPTS và nhân viên của FPTS (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán (ngoài đợt chào bán cổ phần của SCIC), thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của TRABACO cho SCIC, chính TRABACO và các khách hàng khác của FPTS và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản công bố thông tin này.

Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh

nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tổ chức có vốn Nhà nước được chuyển nhượng, Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng, Tổ chức tư vấn và các công ty con, công ty liên kết, nhân viên của họ không chịu trách nhiệm về việc nhà đầu tư sử dụng Bản công bố thông tin này cho mục đích của mình.

Trân trọng cảm ơn.

*(Phần dưới đây được để trống, vui lòng xem trang sau)*

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2026*

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG**

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÊ THỊ HOÀI DIỄM**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**HUỲNH KHẮC NHU**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH**

**GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP - CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH**

**VŨ THỊ THANH NGA**